

**SỞ TÀI CHÍNH
THANH TRA TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 45 /KL-TTr

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 6 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

về việc thanh tra công tác quản lý nguồn kinh phí ngân sách, nguồn thu học phí và các nguồn thu khác năm 2021, 2022 tại Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận.

Thực hiện Quyết định số 50/QĐ-TTr ngày 24/10/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính về việc thanh tra công tác quản lý nguồn kinh phí ngân sách, nguồn thu học phí và các nguồn thu khác năm 2021, 2022 tại Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và đào tạo sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Ninh Thuận; Quyết định 64/QĐ-TTr, Quyết định số 65/QĐ-TTr ngày 23/11/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính về bổ sung thành viên Đoàn thanh tra và gia hạn thời gian thanh tra.

Xét báo cáo Kết quả thanh tra số 12,13/BC-ĐTT ngày 27/02/2024 của Trưởng đoàn thanh tra về kết quả thanh tra công tác quản lý nguồn kinh phí ngân sách, nguồn thu học phí và các nguồn thu khác năm 2021, 2022 tại Trường Cao đẳng nghề và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và đào tạo sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Ninh Thuận (Trung tâm), báo cáo giải trình số 08/BC-CĐN ngày 05/02/2024, báo cáo giải trình bổ sung số 21/BC-CĐN ngày 21/3/2024 của Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận; báo cáo giải trình của Trung tâm sát hạch.

Chánh thanh tra Sở Tài chính kết luận thanh tra như sau:

PHẦN A: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tổng quan:

* Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận (gọi tắt là Nhà trường) được thành lập theo Quyết định số 442/QĐ-LĐTBXH ngày 09/4/2012 của Bộ Lao động- Thương binh và xã hội trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Ninh Thuận. Hiện nay, Nhà trường có 2 cơ sở đào tạo: Trụ sở chính đặt tại đường 16/4, Phường Mỹ Bình, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm; cơ sở 1 tại đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề trực thuộc UBND tỉnh Ninh Thuận, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động- Thương binh và xã hội, đồng thời chịu quản lý theo lãnh thổ của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức: Thực hiện theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 02/6/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (nhóm 3) giai đoạn 2020-2022 theo Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2022-2026 thuộc nhóm 3 (30-70% chi thường xuyên). Nhà trường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng; được mở tài khoản theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động giao dịch.

* Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (gọi tắt là Trung tâm sát hạch) là đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng nghề, có chức năng tổ chức thực hiện chương trình, giáo trình, học liệu của nghề lái xe cơ giới đường bộ các hạng A1,A2, B1,B2,C,D,E,FC,FD,FE theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

2. Cơ cấu tổ chức, biên chế:

a) Cơ cấu tổ chức:

- Ban Giám hiệu Nhà trường gồm: Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn;

- Các phòng chuyên môn gồm có: Hành chính tổng hợp; Kế hoạch tài chính; Đào tạo và công tác sinh viên; Khảo thí chất lượng.

- Các khoa gồm có: Kinh tế tổng hợp; Điện- Điện tử, Công nghệ ô tô; Cơ khí xây dựng.

- Trung tâm sát hạch: Lãnh đạo Trung tâm gồm có Giám đốc và 01 Phó Giám đốc; 04 tổ chuyên môn (hành chính đào tạo, thực hành chất lượng cao, thực hành du lịch, thực hành tổng hợp).

b) Biên chế:

Biên chế, số lượng người làm việc của Nhà trường do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Biên chế được giao: Đối với Trường Cao đẳng nghề: 71 biên chế (Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 06/01/2021). Biên chế có mặt tại thời điểm thanh tra là 69 biên chế. Đối với Trung tâm sát hạch: Đến thời điểm thanh tra, tổng số viên chức và người lao động là 62 người; số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của Nhà trường: 26 người (Quyết định số 2366/QĐ-UBND ngày 21/12/2021).

Ngoài số lượng giáo viên đang giảng dạy chính thức, nhà trường còn ký hợp đồng thuê giáo viên hoặc người có chuyên môn tham gia giảng dạy một số môn học thuộc các ngành nghề đào tạo của trường.

Đối với Trung tâm sát hạch (đơn vị tự chủ nhóm 2): Không giao biên chế.

3. Cơ chế tài chính:

Cơ chế tài chính thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Ngoài ra, Nhà trường phải thực hiện các quy định hiện hành về các chế độ cho sinh viên (học bổng, học phí, chính sách nội trú...), chế độ cho giáo viên...

* Nguồn hoạt động của Nhà trường bao gồm:

- Kinh phí NSNN giao hàng năm (được Sở Tài chính thẩm định);
- Thu từ hoạt động dạy nghề, liên kết đào tạo;
- Thu khác (cho thuê).

* Nguồn hoạt động của Trung tâm bao gồm: Nguồn thu học phí và một số khoản thu khác liên quan đến việc đào tạo và cấp bằng lái xe ô tô, mô tô.

4. Công tác tuyển sinh trong 2 năm:

a) Đối với Trường Cao đẳng nghề:

- Chỉ tiêu đào tạo được giao trong 2 năm: 700 sinh viên/năm (hình thức đào tạo nghề dài hạn, thu học phí);

- Ngành nghề đào tạo: Công nghệ ô tô; Điện công nghiệp; Điện tử; Kế toán doanh nghiệp; Kỹ thuật xây dựng; Nuôi trồng thủy sản; Quản trị khách sạn; Quản trị mạng máy tính; Cơ điện tử; Hàn; May thời trang; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

- Kết quả tuyển sinh:

+ Khóa 20 (năm học 2020-2021): 882 sinh viên (vượt 26% chỉ tiêu được giao), gồm hệ cao đẳng: 412 SV; hệ trung cấp: 470 sinh viên);

+ Khóa 21 (năm học 2021-2022): 728 sinh viên (vượt 04% chỉ tiêu được giao), gồm hệ cao đẳng: 372 SV; hệ trung cấp: 356 sinh viên);

+ Khóa 22 (năm học 2022-2023): 743 sinh viên (vượt 6,14% chỉ tiêu được giao), gồm hệ cao đẳng: 345 SV; hệ trung cấp: 398 sinh viên).

b) Đối với Trung tâm sát hạch:

Theo nhu cầu thị trường, không giao chỉ tiêu tuyển sinh, đơn vị tự chủ động và quyết định.

PHẦN B: KẾT QUẢ THANH TRA

A. Trung tâm sát hạch:

I. Số liệu quyết toán tại đơn vị:

DVT: đồng

STT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
A	Dự toán giao thu	13.004.100.000	13.625.415.000
	Thu đào tạo lái xe	7.708.100.000	11.972.900.000
	Thu tập luyện xe sát hạch	3.136.000.000	1.242.000.000

	Thu thuê sân bãi tập luyện xe sát hạch	2.160.000.000	410.515.000
B	Số thu trong năm từ các hoạt động	11.784.757.792	18.599.370.822
1	Thu học phí lái xe các hạng	10.799.720.000	15.936.511.625
2	Thu tập luyện xe sát hạch	621.760.000	1.758.903.500
3	Thu cho thuê sân sát hạch lái xe	320.266.500	773.520.000
4	Thu giữ xe	10.957.000	23.150.000
5	Thu khác	32.054.292	107.285.697
	- Tiền lãi tiền gửi	274.292	1.235.697
	- Chứng chỉ + Thẻ tập lái	31.780.000	106.050.000
C	Số chi hoạt động trong năm	11.748.443.014	16.582.749.615
1	Chi cho con người	3.973.902.423	4.132.711.995
2	Các khoản phải nộp NSNN	264.629.465	437.843.539
3	Trả lãi vay ngân hàng mua xe sát hạch	357.794.859	607.004.925
4	Chi phí khấu hao tài sản (xe sát hạch)	831.599.302	1.274.356.966
5	Chi khác (xăng xe, vật tư, SC...)	6.320.516.965	10.130.832.190
D	Số còn lại	36.314.778	2.016.621.207
1	Trích lập Quỹ phát triển HDSN (85%)		1.714.128.026
2	Quỹ bổ sung thu nhập (10%)		201.662.121
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)		100.831.060

II. Kết quả thanh tra

1. Đối với các khoản thu:

Trung tâm thực hiện xây dựng các mức thu theo quy định tại Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/5/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải về Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ đối với học phí lái xe các hạng gửi các cơ quan theo quy định. Đối với các khoản thu cho thuê xe thiết bị, cho thuê sân sát hạch... Trung tâm xây dựng định mức và thực theo quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm.

- Đối với thu tiền đồng phục của học viên: Trong năm 2021, Trung tâm thực hiện thu tiền mua áo đồng phục của học viên số tiền 40.000.000 đồng, nhưng chỉ mua số tiền 33.000.000 đồng, số còn lại đang theo dõi trên tài khoản phải trả khác (TK 3381).

2. Đối với chi hoạt động và chi khác:

a) Năm 2021:

- Chi truy lĩnh lương và phụ cấp ưu đãi từ tháng 01/2020-01/2021, số tiền 5.004.910 đồng (PCLX 005 ngày 27/01/2021), đây là khoản chi phí nhưng Trung tâm hạch toán vào khoản phải trả khác TTK 3388) là không đúng.

- Tổng số tiền đóng lệ phí trước bạ xe trong năm 2021 là 375.490.384 đồng, bao gồm:

+ Chi trả lệ phí trước bạ sang tên xe tập lái : 88.690.384 đồng (hạch toán vào tài khoản 3332- Phí, lệ phí: 60.368.784 đ; hạch toán vào tài khoản 3338- các khoản phải nộp nhà nước khác: 28.321.600đ), nhưng đưa vào chi phí quyết toán (tài khoản 642/TK 3388) trong năm 2021: 31.621.765 đồng, số còn lại 57.068.619 đồng (88.690.384đ - 31.621.765đ) chưa đưa vào quyết toán .

+ Lệ phí trước bạ 6 xe mới: 286.800.000 đồng, chưa cộng vào giá trị xe để hạch toán tăng tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/201

8 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thì: “*Nguyên giá tài sản cố định do mua sắm = Giá trị ghi trên hóa đơn – (trừ) các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) + Chi phí vận chuyển, ... - (trừ) các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử + Các khoản thuế; các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí + Chi phí khác (nếu có)*”. Như vậy, căn cứ vào quy định trên, Nhà trường phải cộng các khoản phát sinh khi mua tài sản để tính vào nguyên giá làm cơ sở hạch toán tăng tài sản theo quy định.

- Các khoản chi khen thưởng, số tiền: 26.671.000 đồng (CKLX 298 ngày 01/7/2021); hỗ trợ tết cho giáo viên, nhân viên: 116.000.000 đồng (CKLX 556 ngày 31/12/2021): Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thì: Đơn vị sự nghiệp công được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ và các nguồn thu khác để chi thường xuyên một số nội dung như: Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương, Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý...Như vậy, đối với các khoản chi hỗ trợ lễ tết, chi khen thưởng...không phải chi phí, do đó không đưa vào quyết toán chi phí trong năm.

- Đối với chi phí đấu thầu mua sắm xe sát hạch năm 2020 theo hợp đồng số 11/2020, số tiền 30.145.464 đồng, Trung tâm hạch toán tăng tài sản là không phù hợp, do đây là khoản chi phí phát sinh trong hoạt động đấu thầu mua sắm nhiều tài sản, do đó đưa vào chi phí chung để quyết toán trong năm là phù hợp.

b) Năm 2022:

- Chi hỗ trợ lễ, tết cho giáo viên và NLD, số tiền: 31.800.000 đồng (PCLX 049,149,379) đưa vào chi phí quyết toán trong năm là không đúng theo quy định tại

Điều 12 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (tương tự như năm 2021).

- Chuyển bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe tập lái 85A-066.05 theo hóa đơn số 982 ngày 27/6/2022 trùng 2 lần, số tiền 676.840 đồng (CKLX 223,CKLX 239).

- Trung tâm hạch toán sai nguyên tắc kế toán đối với các khoản: Thu hồi khoản đã chi sai cho bảo vệ từ tháng 5-12/2021, số tiền 12.549.000 đồng, ghi tăng nợ phải thu (TK 1388); thu hồi tiền xăng xe chở người đi cách ly số tiền 10.274.664 đồng, ghi tăng nợ phải trả (TK 3381). Lý do: các khoản chi này phát sinh đã hạch toán vào chi phí (tài khoản 6422), khi thu hồi lại thì phải giảm chi phí cho phù hợp.

c) Chi trả nợ vay ngân hàng:

- Tổng số tiền vay ngân hàng mua xe: 8.245.000.000 đồng (Vay của 13 cá nhân, số tiền 2.445.000.000 đồng (tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Ninh Thuận và ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh Đông Mỹ Hải); vay ngân hàng Vietcombank Ninh Thuận do Trung tâm đứng tên vay), số tiền 5.800.000.000 đồng).

- Tổng số tiền Trung tâm đã chi trả nợ vay tại các ngân hàng trong 2 năm (đã phản ánh vào sổ kế toán của Trung tâm): 3.611.467.207 đồng (nợ gốc: 2.646.668.053đ, lãi nợ vay: 964.799.154đ), cụ thể như sau:

+ Năm 2021: Tổng chi trả nợ vay mua xe sát hạch (gốc+ lãi) số tiền: 1.157.358.121 đồng, bao gồm: trả nợ gốc 799.563.262 đồng (hạch toán giảm nợ vay ngân hàng, tài khoản 3382); lãi đã trả 357.794.859 đồng đã đưa vào chi phí quyết toán trong năm;

+ Năm 2022: Tổng chi trả nợ vay mua xe sát hạch (gốc+ lãi): 2.454.109.086 đồng, bao gồm: chi tiền mặt 100.310.856 đồng, chi bằng tiền gửi 2.353.798.860 đồng, bao gồm: trả nợ gốc 1.847.104.791 đồng (hạch toán giảm nợ vay ngân hàng, tài khoản 3382); lãi đã trả 607.004.295 đồng đã đưa vào chi phí quyết toán trong năm.

- Tổng số tiền Nhà trường đã chi trả nợ vay ngân hàng: 1.004.408.927 đồng (nợ gốc: 611.789.465đ, lãi vay: 392.619.462đ).

Như vậy, tổng số tiền Nhà trường và Trung tâm đã chi trả nợ vay tại 3 ngân hàng từ năm 2019 đến 31/12/2022 là: 4.615.876.134 đồng (nợ gốc: 3.258.457.518đ, lãi vay: 1.357.418.616đ).

Báo cáo tài chính năm 2022 của Trung tâm thể hiện số dư nợ vay dài hạn ngân hàng (TK 33822) đến ngày 31/12/2022: 5.598.331.947 đồng, qua thanh tra xác định lại số dư nợ vay đến 31/12/2022 (nợ gốc): 4.986.542.482 đồng (8.245.000.000đ - 3.258.457.518đ); chênh lệch: 611.789.465 đồng (đây là số tiền Nhà trường đã trả nhưng không phản ánh vào báo cáo tài chính để theo dõi giảm khoản nợ vay ngân hàng).

3. Thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Trung tâm chưa thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% đối với khoản thu thuê xe tập luyện sát hạch năm 2021, cho thuê sân sát hạch lái xe, cụ thể:

- Tập luyện xe sát hạch, số tiền 12.435.200 đồng;
- + Năm 2021: 621.760.000 đồng x 2% = 12.435.200 đồng;
- Cho thuê sân sát hạch lái xe, số tiền 21.875.730 đồng;
- + Năm 2021: 320.266.500 đồng x 2% = 6.405.330 đồng;
- + Năm 2022: 773.520.000 đồng x 2% = 15.470.400 đồng.

4. Công tác theo dõi, quản lý tài sản:

- Có thực hiện mở sổ theo dõi tài sản, tuy nhiên còn quá sơ sài, chưa phản ánh đầy đủ các loại tài sản như: nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị chuyên dùng... Lý do: chưa nhận bàn giao giữa Nhà trường và Trung tâm.

- Trung tâm có ban hành quy chế quản lý tài sản (Quyết định số 22/QĐ-TTĐT&SHLX ngày 25/02/2021 về Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị).

- Trung tâm chưa thực hiện việc trích khấu hao tài sản theo tỷ lệ đối với từng loại tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để chi trả nợ vay ngân hàng.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện chế độ tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công thì: "*...Đối với tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn vốn vay, vốn huy động, số tiền trích khấu hao tài sản cố định được dùng để trả nợ; số tiền trích khấu hao tài sản cố định còn lại sau khi trả nợ được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị; trường hợp số tiền trích khấu hao tài sản cố định không đủ trả nợ, đơn vị được dùng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để trả nợ*". Tuy nhiên, Trung tâm chưa thực hiện việc hạch toán sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp dùng để trả nợ vay ngân hàng đối với tài sản được mua từ nguồn vốn vay theo quy định nêu trên.

+ Số đã trích khấu hao tài sản đưa vào chi phí quyết toán, đồng thời hạch toán tăng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong 2 năm: 2.105.956.268 đồng (năm 2021: 831.599.302đ, năm 2022: 1.274.356.966đ).

+ Số đã trả nợ ngân hàng (gốc và lãi): 3.611.467.207 đồng; trong đó: trả lãi vay: 964.799.154 đồng (hạch toán vào chi phí); nợ gốc 2.646.668.053 đồng (hạch toán giảm nợ gốc).

Để thực hiện việc hạch toán sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp dùng để trả nợ vay ngân hàng đối với tài sản được mua từ nguồn vốn vay theo quy định và có cơ sở để tiếp tục thực hiện trong các năm sau, Đoàn thanh tra xác định lại số liệu như sau:

+ Đối với khoản trả lãi vay đã hạch toán vào chi phí trong 2 năm: 964.799.154 đồng, điều chỉnh tăng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Như vậy, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong 2 năm được trích lập là 3.070.755.422 đồng (từ khấu hao tài sản: 2.105.956.268đ và từ tiền lãi đã trả ngân hàng: 964.799.154đ);

+ Căn cứ quy định trên thì số tiền đã trả nợ vay lớn hơn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 540.711.785 đồng (3.611.467.207đ - 3.070.755.422đ). Do đó, Trung tâm phải hạch toán điều chỉnh giảm 540.711.785 đồng từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hình thành từ chênh lệch thu-chi của Trung tâm để bù vào khoản đã chi trả nợ vay ngân hàng theo quy định.

5. Công tác quản lý tài chính, kế toán, theo dõi công nợ:

- Trong năm 2021, Trung tâm ghi tăng phải trả nợ vay (ghi có tài khoản 3382) đối với số tiền 900.900.973 đồng (GBC 073 ngày 16/4/2021) do Công ty Cổ phần Toyota Nha Trang chuyển trả lại tiền đặt cọc mua xe năm 2019 theo hợp đồng số 1244/HĐMB-2019 là không đúng nguyên tắc vì đây không phải là khoản tiền vay (kế toán không phản ánh vào Bảng cân đối tài khoản). Theo giải trình, theo hợp đồng ký giữa 2 bên, Nhà trường chuyển cho công ty Toyota để đặt cọc mua 6 chiếc xe sát hạch số tiền 1.240.000.000 đồng từ khoản vay do viên chức đứng tên vay ngân hàng giúp cho Nhà trường (lúc Trung tâm chưa được thành lập); sau khi Trung tâm được thành lập theo Quyết định của UBND tỉnh vào ngày 21/02/2020 và được giao tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi hoạt động (thuộc nhóm 2), theo quy định thì Trung tâm được vay ngân hàng hoặc huy động vốn để mua sắm xe phục vụ công tác đào tạo, cấp bằng lái xe. Tuy nhiên, khi tổ chức đấu thầu thì Công ty Toyota Nha Trang lại không trúng thầu, do đó hợp đồng mua bán giữa 2 bên bị hủy, quá trình thương lượng Công ty Toyota đã đồng ý trả lại một phần tiền đặt cọc là 900.900.973 đồng (đã chuyển trả vào tài khoản của Trung tâm) và Nhà trường đã bị mất một khoản tiền đã đặt cọc là 339.099.027 đồng (1.240.000.000 đồng - 900.900.973 đồng). Đây được xem là khoản thiệt hại do Nhà trường không thực hiện đúng quy định, ký hợp đồng khi chưa có chủ trương, chưa thông qua đấu thầu mua sắm theo quy định.

Việc Công ty Toyota trả lại tiền cọc theo nguyên tắc kế toán phải theo dõi hạch toán giảm công nợ giữa 2 bên, tuy nhiên kế toán lại phản ánh tăng khoản nợ vay dài hạn là sai bản chất nghiệp vụ phát sinh (không phản ánh vào bảng cân đối tài khoản).

- Đối với khoản thu 300.791.787 đồng từ Trường Cao đẳng nghề chi cho Trung tâm, kế toán phản ánh vào sổ quỹ năm 2021 với nội dung “Thu tiền vay của CBCNV”

và hạch toán tăng khoản vay dài hạn là sai nguyên tắc vì thực chất đây không phải là khoản nợ vay (cũng không phản ánh vào bảng cân đối tài khoản).

- Chưa thực hiện việc mở sổ theo dõi công nợ và lập biên bản đối chiếu công nợ hàng năm;

- Đối với công tác kế toán: Trung tâm được thành lập đầu năm 2020, thời gian đầu công tác kế toán của Trung tâm được giao cho bà Vũ Thị Lụa phụ trách, sử dụng chung hệ thống phần mềm kế toán với Trường Cao đẳng nghề, do đó đã có sự nhầm lẫn trong công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán (đặc biệt là liên quan đến các khoản nợ, các khoản thu chi, khoản vay ngân hàng, ...).

Theo quy định tại Điều 44 Luật Kế toán 2015 (công việc kế toán trong trường hợp tách đơn vị kế toán) như sau:

“1. Đơn vị kế toán bị tách một bộ phận để thành lập đơn vị kế toán mới phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Kiểm kê tài sản, xác định nợ chưa thanh toán của bộ phận được tách;*
- b) Bàn giao tài sản, nợ chưa thanh toán của bộ phận được tách, lập biên bản bàn giao và ghi sổ kế toán theo biên bản bàn giao;*
- c) Bàn giao tài liệu kế toán liên quan đến tài sản, nợ chưa thanh toán cho đơn vị kế toán mới; đối với tài liệu kế toán không bàn giao thì đơn vị kế toán bị tách lưu trữ theo quy định tại Điều 41 của Luật này.*

2. Đơn vị kế toán mới được thành lập căn cứ vào biên bản bàn giao mở sổ kế toán và ghi sổ kế toán theo quy định của Luật này”.

Tháng 7/2021, phân công bà Nguyễn Thị Như Truyền tiếp nhận công tác kế toán của Trung tâm thay cho bà Vũ Thị Lụa, phần mềm kế toán được tách riêng nhưng đến thời điểm thanh tra vẫn chưa thực hiện theo quy định nêu trên và chưa thực hiện bàn giao công tác kế toán giữa hai bên (đặc biệt là các khoản công nợ khách hàng, nợ vay...).

6. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính

a) Về Quy chế chi tiêu nội bộ: Ngày 06/12/2021, Trung tâm xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng tài sản công của Trung tâm, có hiệu lực áp dụng cho hai năm 2021, 2022 là không phù hợp, tuy nhiên các nội dung chi trong quy chế được quy định chặt chẽ, phù hợp đối với loại hình hoạt động của Trung tâm, đảm bảo tiết kiệm, có tích lũy.

b) Công khai tài chính: Năm 2021, Trung tâm chưa thực hiện công khai đầy đủ các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (công khai theo mẫu số 3, thiếu mẫu số 2, số 4). Năm 2022, thực hiện công khai tài chính hàng quý, 6 tháng và năm theo quy định.

B. Đối với Trường Cao đẳng nghề:**I. Nguồn ngân sách Nhà nước năm 2021, 2022:****1) Số liệu quyết toán: Chi tiết Biểu số 02**

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM 2021	NĂM 2022
1	Năm trước chuyển sang	3.747.538.384	10.185.490.025
	Nguồn chi thường xuyên	9.419.510	11.121.116
	Nguồn cải cách tiền lương	3.738.118.874	4.174.368.909
	Nguồn kinh phí CTMT	0	6.000.000.000
2	Số được cấp trong năm	19.727.436.370	17.955.750.000
	Nguồn chi thường xuyên	7.514.094.000	7.658.700.000
	Kinh phí tiết kiệm 10% CCTL	126.596.000	78.460.000
	Số cấp bù học phí	4.385.975.000	4.434.570.000
	+ 40% cải cách tiền lương	1.754.390.000	1.773.828.000
	+ 60% số được chi hoạt động	2.631.585.000	2.660.742.000
	Kinh phí không tự chủ (Chế độ SV nội trú)	911.332.000	977.400.000
	Kinh phí không tự chủ (KP sửa chữa+..)	789.439.370	4.806.620.000
	Kinh phí chương trình mục tiêu	6.000.000.000	/
3	Tổng số được sử dụng trong năm	23.474.974.754	28.141.240.025
	Nguồn chi thường xuyên	7.523.513.510	7.669.821.116
	Chi TX từ nguồn 60% cấp bù HP	2.631.585.000	4.434.570.000
	Kinh phí tiết kiệm 10% CCTL+40%HP	5.619.104.874	4.252.828.909
	Kinh phí không tự chủ (Chế độ SV nội trú)	911.332.000	977.400.000
	Kinh phí không tự chủ (KP sửa chữa+..)	789.439.370	4.806.620.000
	Kinh phí chương trình mục tiêu	6.000.000.000	6.000.000.000
4	Số đã sử dụng trong năm	13.282.150.370	14.907.228.000
	Nguồn chi TX (kể cả 60% cấp bù HP)	10.143.977.394	12.093.270.000
	Nguồn cải cách tiền lương	1.444.735.965	0
	Kinh phí không tự chủ (Chế độ SV)	911.332.000	977.400.000
	Kinh phí không tự chủ	782.105.011	951.258.000
	Kinh phí chương trình mục tiêu	0	885.300.000
5	Số còn lại cuối năm	10.192.824.384	13.234.012.025
	Nguồn chi thường xuyên	11.121.116	11.121.116
	Kinh phí không tự chủ (hủy dự toán)	7.334.359	3.855.362.000
	Nguồn cải cách tiền lương	4.174.368.909	4.252.828.909
	Kinh phí CTMT	6.000.000.000	5.114.700.000

Ghi chú: Nguồn kinh phí ngân sách cấp bù học phí năm 2021, số tiền 4.385.975.000 đồng, Nhà trường quyết toán trực tiếp trên dự toán chi thường xuyên NSNN 60%, số còn lại 40% theo dõi trên nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14). Nguồn

kinh phí ngân sách cấp bù học phí năm 2022, số tiền 4.434.570.000 đồng đã chuyển tất cả sang tài khoản tiền gửi để chi hoạt động.

2) Kết quả thanh tra:

- Chuyển tiền trang phục cho viên chức và hợp đồng lao động vượt định mức theo quy chế nội bộ hàng năm (1 bộ/người/năm; tổng số viên chức và lao động hợp đồng dài hạn của Nhà trường là 89 người), danh sách nhận trang phục chưa ghi cụ thể số lượng được nhận, danh sách nhận không đầy đủ, bị trùng tên, thời điểm cấp trang phục (năm) bị tẩy xóa, sửa chữa ...Cụ thể các năm như sau:

+ Năm 2021: Số tiền 60.900.000 đồng (145 bộ * 420.000đ, CKNS 326, cửa hàng Châu Nhi), trong đó chi trang phục cho Trung tâm sát hạch đào tạo lái xe 43 bộ, số tiền 18.060.000 đồng, do Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc nhóm 2, tự chủ chi thường xuyên, do đó việc sử dụng nguồn ngân sách chi mua trang phục cho Trung tâm sát hạch là không đúng; số tiền chi vượt là 23.520.000 đồng (145 bộ - 49 bộ) * 420.000đ).

+ Năm 2022: Số tiền 62.160.000 đồng (148 bộ * 420.000đ, CKNS 326 cho cửa hàng Việt Tiến); số tiền chi vượt là 24.780.000 đồng (148 bộ - 89 bộ) * 420.000đ)

Tổng số tiền chi trang phục trong 2 năm vượt định mức theo quy chế là: 48.300.000 đồng.

II. Nguồn thu học phí và thu khác: Chi tiết biểu số 01, biểu 05

1. Số liệu quyết toán

DVT: đồng

STT	Nội dung	NĂM 2021	NĂM 2022
I	NGUỒN HỌC PHÍ		
1	Tổng thu trong năm (kể cả NS cấp bù)	3.796.469.000	9.316.541.000
	- Số phải trích lập 40% CCTL theo quy định	1.518.587.600	3.726.616.400
	- Số được để lại chi hoạt động (60%)	2.277.881.400	5.589.924.600
2	Tổng chi hoạt động	2.277.881.400	6.916.227.772
3	Số còn lại	0	- 1.326.303.172
II	CÁC KHOẢN THU KHÁC		
1	Tổng thu	792.644.393	1.004.471.691
2	Số chi hoạt động	792.644.393	856.444.952
3	Số còn lại	0	148.026.739
	Trích lập quỹ phúc lợi		22.203.937
	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập		103.618.065
	Trích lập quỹ phát triển HĐSN		22.203.937

Ghi chú: Năm 2021, nguồn học phí NSNN cấp bù (60%) số liệu phản ánh chung trên dự toán chi thường xuyên (nguồn 13); đối với 40% cải cách tiền lương (nguồn 14).

2) Kết quả thanh tra:

2.1 Nguồn học phí:

a) Nguồn thu:

Theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp về nguyên tắc kế toán ghi nhận doanh thu thì tất cả các khoản thu hoạt động dịch vụ phải được hạch toán đầy đủ, kịp thời vào bên Có Tài khoản 531 “ Thu hoạt động SXKD, dịch vụ”. Trong 2 năm, Nhà trường hạch toán số thu học phí phát sinh tại ngân hàng vào tài khoản nợ phải thu khách hàng, tổng số tiền 44.250.000 đồng (năm 2021: 33.750.000đ; năm 2022:10.500.000đ) là không đúng nguyên tắc ghi nhận doanh thu.

b) Các khoản chi từ nguồn học phí:

*** Năm 2021:**

- Chi hoàn ứng tiền mua vật tư dạy nghề điện lạnh cho cơ sở Ánh Ngọc năm 2021, số tiền 48.750.000 đồng (chứng từ ký hiệu số NVK002 ngày 31/12/2021), qua kiểm tra không có hóa đơn mua hàng và các hồ sơ liên quan, chỉ có hợp đồng số 18 giữa 2 bên ký ngày 16/9/2021 và thanh lý hợp đồng ký ngày 31/12/2021 là không đủ cơ sở để thanh toán hoàn ứng.

- Chi hỗ trợ bồi dưỡng giáo dục nghề nghiệp hạng 3, số tiền 61.000.000 đồng (01trđ/người) cho giáo viên, đưa vào chi phí để quyết toán trong năm là chưa phù hợp, do đây không phải khoản chi phí.

*** Năm 2022:**

- Chi mua trang phục năm 2022 (2 đợt), tổng số tiền 79.315.200 đồng vượt định mức theo quy chế (CKNS 257 ngày 30/11/2022: 31.795.200đ; CKHP 105 ngày 05/12/2022: 47.520.000đ);

- Chuyển tiền gia hạn chữ ký số theo hóa đơn 159502 ngày 09/11/2022, số tiền 2.909.000 đồng (CKHP 111 ngày 02/12/2022). Qua kiểm tra, đã chi trùng và đưa vào quyết toán 2 lần trùng với chứng từ CTK 019 ngày 31/12/2022, nội dung: Chuyển tiền gia hạn chữ ký số theo hóa đơn 159502 ngày 09/11/2022);

- Chi từ nguồn học phí (60% số thu được để lại, kể cả học phí được ngân sách cấp bù), vượt số tiền: 1.326.303.172 đồng (5.589.924.600đ - 6.916.227.772đ).

2.2. Đối với hoạt động dịch vụ, thu khác năm 2021, 2022:

a) Nguồn thu:

*** Thu liên kết đào tạo:**

Trong 2 năm, chưa ghi nhận doanh thu từ hoạt động liên kết đào tạo số tiền 82.250.000 đồng, theo giải trình thì do sai sót trong công tác kế toán. Cụ thể:

- *Đại học Nha Trang (nghề điện- điện tử)*: (Trường CĐ nghề: 25% tổng thu học phí):

+ Năm 2021: Thu học phí 341.500.000 đồng, doanh thu nhà trường được hưởng 85.375.000 đồng ($341.500.000đ * 25\%$), nhưng chỉ ghi nhận doanh thu (TK 531), số tiền: 75.375.000 đồng, số còn lại 10.000.000 đồng chưa ghi nhận doanh thu; Số đã chuyển cho Trường ĐH Nha Trang 186.000.000 đồng;

+ Năm 2022: Thu học phí số tiền 459.000.000 đồng, chưa ghi nhận doanh thu theo hợp đồng số 75/HĐ ngày 09/9/2022, số tiền 72.250.000 đồng ($289.000.000đ * 25\%$). Số đã chuyển cho Trường ĐH Nha Trang 191.812.500 đồng;

- *Đại học xây dựng Miền Trung (nghề cấp thoát nước)*: (trường CĐ Nghề: 30% tổng thu học phí): Tổng thu học phí trong năm 2021: 216.000.000 đồng, đã ghi nhận doanh thu (TK 531) số tiền: 64.800.000 đồng theo đúng tỷ lệ (30%). Tổng thu học phí trong năm 2022: 302.515.100 đồng, đã ghi nhận doanh thu (TK 531) số tiền: 90.754.530 đồng theo đúng tỷ lệ.

*** Thu cho thuê tài sản (sân cầu lông, đặt trạm thu phát sóng):**

Các tài sản cho thuê bao gồm:

- Nhà trường ký hợp đồng cho Công ty Viễn thông quân đội (Viettel) thuê mái nhà xưởng để đặt trụ ăng ten thu phát sóng từ năm 2014 cho đến thời điểm thanh tra là chưa phù hợp vì hiện nay chưa có quy định về việc cho thuê này. Số thu cho thuê đối với trạm thu phát sóng là 42 triệu đồng/năm, số tiền đã thu trong 2 năm là 84 triệu đồng;

- Đối với cho thuê nhà thi đấu đa năng (sân cầu lông): Nhà trường chưa xây dựng đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ: “*Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê...*”. Qua thanh tra, giá cho thuê từ 4-5 triệu đồng/tháng (năm 2021 có hợp đồng, năm 2022 không có hợp đồng). Qua kiểm tra số thu cho thuê sân cầu lông trong 2 năm là 37 triệu đồng (năm 2021: 22 triệu đồng, 5 tháng; năm 2022: 15 triệu đồng, 3 tháng).

- Thu cho thuê hội trường: Không ghi nhận doanh thu năm 2022 số tiền 3,7 triệu đồng mà phản ánh vào khoản phải trả khách hàng (tài khoản 3388) là không đúng nguyên tắc ghi nhận doanh thu như đã nêu ở trên.

Trường hợp cho thuê hội trường thuộc hình thức cho thuê trực tiếp đối với các tài sản cho thuê thuộc điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP nên không phải xây dựng Đề án.

b) Các khoản chi từ nguồn dịch vụ năm 2021, 2022:

- Chi tiền truy lĩnh lương từ tháng 4-12/2021, số tiền 11.921.174 đồng (PCHP 104 ngày 31/12/2021), quyết toán nguồn học phí năm 2021: 7.272.791 đồng, số còn lại 4.708.383 quyết toán vào nguồn dịch vụ năm 2022 là không phù hợp niên độ kế toán;

- Hoàn ứng tiền mua văn phòng phẩm quý 3,4 cho Cửa hàng Văn phòng phẩm Minh Hồng theo hóa đơn 041 ngày 25/11/2022, số tiền 8.905.000 đồng (PCDV 128 ngày 31/12/2022) đã đưa vào quyết toán nguồn dịch vụ năm 2022 nhưng thực tế không có chứng từ này (nội dung này đã chi từ nguồn kinh phí ngân sách không tự chủ, sau đó đã nộp hoàn trả kinh phí NSNN và điều chỉnh bổ sung quyết toán chi từ nguồn học phí năm 2022).

c) Các khoản chi khác

*** Chi từ nguồn tài trợ đào tạo nghề do ảnh hưởng dịch Covid-19:**

Tổng số tiền tổ chức GIZ hỗ trợ nhà trường đào tạo nghề trong 2 năm: 694.665.700 đồng (năm 2021: 682.665.700đ, năm 2022: 12.000.000đ), theo hình thức thu hộ chi hộ. Bao gồm: Chi phí hỗ trợ đào tạo các lớp học: 605.675.200 đồng (tài khoản 3388) và hỗ trợ chi phí trả công cho Trần Thành Trung (nhân viên hợp tác làm việc theo hợp đồng ký với Nhà trường), số tiền 88.990.500 đồng, kế toán hạch toán theo dõi trên tài khoản phải thu, phải trả khác (TK 3388: 34.590.500đ; 1388: 54.400.000đ).

- Tổng chi hoạt động đào tạo nghề trong 2 năm: 605.675.200 đồng (theo báo cáo của Nhà trường đã quyết toán, hồ sơ lưu tại Nhà trường chỉ có bảng kê các khoản thanh toán kèm theo chứng từ kế toán (bản photocopy) nhưng không có xác nhận của nhà tài trợ; theo giải trình thì toàn bộ chứng từ gốc đã chuyển cho nhà tài trợ); Nhà trường chịu trách nhiệm đối với các khoản chi này đối với nhà tài trợ;

- Nhà trường ký hợp đồng lao động với ông Trần Thành Trung (HĐ số 12), có thời hạn 03 năm (01/11/2018-31/10/2021; gia hạn đến 31/12/2021): Bao gồm tiền công 4.400.000 đồng/tháng và các khoản bảo hiểm 1.408.000 đồng/tháng (32%).

+ Năm 2021, Nhà trường chi trả tiền công và các khoản bảo hiểm cho ông Trung đến tháng 12/2021 số tiền 78.320.000 đồng (hạch toán vào TK 1388), bao gồm: Tiền công từ tháng 12/2020 - 12/2021: 57.200.000 đồng; các khoản bảo hiểm từ tháng 10/2020-12/2021: 21.120.000 đồng.

+ Năm 2022, Nhà trường tiếp tục ký hợp đồng lao động với ông Trần Thành Trung, thời hạn 01 năm (01/01/2022-31/12/2022), tiền công 5.170.790 đồng/tháng, đã chi trả tiền công từ tháng 1-3/2022, số tiền 15.512.370 đồng, hạch toán vào tài khoản phải thu khác (TK 1388).

Tổng tiền công và các khoản bảo hiểm (32%) chi trả cho ông Trần Thành Trung trong 2 năm: 93.832.370 đồng (hạch toán vào TK 1388). Như vậy, số tiền đã chi trả

vượt so với số tiền nhà tài trợ đã chuyển là 4.841.870 đồng (93.832.370đ-88.990.500đ) và đang được treo nợ trên khoản nợ phải thu khác (TK 1388) là không phù hợp.

Ngoài ra, việc hạch toán đối với khoản thu chi này không thống nhất trên cùng tài khoản, do đó Nhà trường phải hạch toán điều chỉnh số tiền 34.590.500 đồng từ tài khoản 3388 sang tài khoản 1388 để tất toán số tiền 88.990.500 đồng do tổ chức GIZ tài trợ, đồng thời hạch toán số tiền 4.841.870 đồng vào chi phí để quyết toán trong năm 2021.

*** Đào tạo nghề cho Trường Cao đẳng nghề số 8:**

Trong năm 2021, kế toán nhà trường đã lập 15 chứng từ chi mua vật tư, chi văn phòng phẩm, chi trang phục, in tờ rơi băng rôn....phục vụ các lớp đào tạo nghề của Trường Cao đẳng nghề số 8, tổng số tiền 499.841.759 đồng, toàn bộ chứng từ bản photocopy. Theo giải trình, Nhà trường thực hiện đào tạo nghề cho Trường Cao đẳng nghề số 8 bằng hình thức chi hộ, do đó toàn bộ chứng từ gốc đã chuyển cho Trường Cao đẳng nghề số 8 (Đồng Nai) để quyết toán, tuy nhiên hai bên không ký kết hợp đồng đào tạo, không có biên bản xác nhận số liệu giữa hai bên, do đó không có cơ sở kiểm tra, đối chiếu (hiện nay Trường Cao đẳng nghề số 8 đã giải thể). Nhà trường đã có văn bản giải trình và cam kết sẽ chịu trách nhiệm nếu có sai phạm.

3. Thực hiện nghĩa vụ NSNN:

3.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính: “Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam..., có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này xác định được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể như sau:
+ Đối với dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): 5%; Riêng hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật: 2%”.

Qua thanh tra xác định lại số thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp Nhà trường phải nộp trong 2 năm là: 37.070.421đồng, cụ thể:

+ Đối với hoạt động giáo dục (2%): 19.625.461 đồng (năm 2021: 418.278.000 đ; năm 2022: 562.995.030đ) * 2%;

+ Thu giữ xe (5%): 17.444.960 đồng (năm 2021: 154.666.000đ; năm 2022: 194.233.200đ) * 5%;

Chi tiết Thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm như sau:

DVT: đồng

STT	Nội dung	Số đơn vị	Số thanh tra	Chênh lệch
-----	----------	-----------	--------------	------------

1	Năm trước chuyển sang	15.100.724	15.100.724	0
2	Số phải nộp trong 2 năm	22.257.906	37.070.421	14.812.515
3	Số đã nộp trong 2 năm	29.100.204	29.100.204	0
4	Số còn phải nộp	8.258.426	27.070.941	14.812.515

3.2 Thuế thu nhập cá nhân:

Theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân thì : “Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân”.

- Từ quy định nêu trên, trong năm 2021: Nhà trường ký hợp đồng khoán việc cho một số cá nhân thực hiện công tác tuyển sinh, trong đó ghi rõ số tiền công chi trả bao gồm 10% thuế thu nhập cá nhân (thể hiện trong biên bản thanh lý hợp đồng và đã khấu trừ khi thanh toán), nhưng kế toán không thực hiện đúng việc hạch toán đối với khoản thuế thu nhập cá nhân. Qua thanh tra xác định lại, tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp là 3.111.000 đồng. Cụ thể:

ĐVT: đồng

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Họ và tên	Số đơn vị đã quyết toán	Số thanh tra		
					Số đưa vào quyết toán	Số tiền thực chi trả	Số thuế TNCN (10%) phải nộp
01	PCHP 091	28/12	Võ Lê Xuân Hương	8.940.000	8.940.000	8.400.000	540.000
02	PCHP 094	28/12	Phùng Thị Lành	11.616.000	11.616.000	10.560.000	1.056.000
03	PCHP 095	28/12	Thiết Thị Thanh Minh	9.834.000	9.834.000	8.940.000	894.000
04	PCHP 096	28/12	Nguyễn Quốc Hoàn	6.831.000	6.831.000	6.210.000	621.000
			Cộng	37.221.000	37.221.000	34.110.000	3.111.000

- Năm 2022: Nhà trường đã khấu trừ 10% thuế thu nhập cá nhân của giáo viên thuê giảng dạy số tiền 44.315.500 đồng khi thanh toán bằng hình thức chuyển khoản và đã nộp vào NSNN đúng quy định nêu trên.

4. Nguồn cải cách tiền lương:

Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (CCTL) 40% từ nguồn thu học phí (kể cả nguồn học phí được ngân sách cấp bù) số dư đến ngày 31/12/2022 trên báo cáo tài chính của Nhà trường là 10.082.144.761 đồng.

Theo số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh cuối năm 2022 của đơn vị, số dư trên các tài khoản chi tiết như sau:

ĐVT: đồng

TT	Tài khoản	Số tiền	Tài khoản	Số tiền
1	111-Tiền mặt	57.467.400	331-Phải trả người bán	1.509.818.577
2	112-Tiền gửi NH, KB	5.359.655.822	333-Các khoản phải nộp NN	-57.140.359
3	131-Phải thu kh.hàng	1.866.612.500	338-Phải trả khác	173.565.027
4	138-Phải thu khác	2.809.636.341	421-Thặng dư	- 1.313.453.432
5	141-Tạm ứng	1.058.148.257	431-Các quỹ	756.585.743
6			468-Nguồn CCTL	10.082.144.761
	Tổng cộng	11.151.520.320		11.151.520.320

Qua thanh tra xác định trong 2 năm, Nhà trường ghi nhận doanh thu thiếu 44.250.000 đồng đối với học phí hệ cao đẳng, do đó phải trích lập bổ sung nguồn cải cách tiền lương 40% số tiền là 17.700.000 đồng ($44.250.000 \times 40\%$). Như vậy, nguồn cải cách tiền lương cuối năm 2022 là: 10.099.844.761 đồng ($10.082.144.761 \text{đ} + 17.700.000 \text{đ}$).

Trong đó, năm 2022 tổng thu học phí: 9.316.541.000 đồng, Nhà trường phải để lại 40% để bổ sung nguồn cải cách tiền lương theo quy định, số tiền 3.726.616.400 đồng; số còn lại 60% được bổ sung chi hoạt động: 5.589.924.600 đồng. Tuy nhiên, Nhà trường đã chi và quyết toán số tiền 6.916.227.772 đồng, vượt 1.326.303.172 đồng so với số được chi trong năm. Qua thanh tra xác định Nhà trường đã chi hoạt động từ nguồn CCTL số tiền 1.326.303.172 đồng là không đúng quy định.

(Tổng hợp nguồn cải cách tiền lương tại Biểu số 04)

5. Công tác quản lý tài chính; thực hiện chế độ, chứng từ kế toán:

- Khoản thu từ hoa hồng đại lý do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả cho Nhà trường trong năm 2022, số tiền 8.721.070 đồng, kế toán không hạch toán vào sổ để theo dõi là không đúng quy định (*tất cả các phát sinh liên quan đến hoạt động của đơn vị đều phải hạch toán vào sổ*);

- Thời điểm đoàn thanh tra làm việc, kế toán nhà trường chưa thực hiện mở sổ kế toán đầy đủ theo quy định Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (sổ theo dõi kinh phí, sổ chi tiết, sổ cái, sổ tiền mặt, sổ tiền gửi NH,KB..);

- Luật Kế toán 2015, tại Điều 5 (Yêu cầu kế toán) quy định:

“ 1. Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính.

2. Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán.

3. Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán.

4. Phản ánh trung thực, khách quan hiện trạng, bản chất sự việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế, tài chính.

5. Thông tin, số liệu kế toán phải được phản ánh liên tục từ khi phát sinh đến khi kết thúc hoạt động kinh tế, tài chính, từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động của đơn vị kế toán; số liệu kế toán kỳ này phải kế tiếp số liệu kế toán của kỳ trước.

6. Phân loại, sắp xếp thông tin, số liệu kế toán theo trình tự, có hệ thống và có thể so sánh, kiểm chứng được”.

Qua thanh tra, Nhà trường không thực hiện đúng các quy định nêu trên, công tác quản lý tài chính lỏng lẻo, hạch toán kế toán sai nguyên tắc dẫn đến tình trạng các số liệu phát sinh trên Bảng cân đối tài khoản không phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh dẫn đến sai lệch Báo cáo tài chính; chưa thực hiện tốt việc lập, lưu trữ, quản lý sử dụng chứng từ kế toán theo quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật kế toán 2015: “...chứng từ kế toán chỉ được lập một lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính... Chứng từ bị tẩy xóa, sửa chữa không có giá trị thanh toán và ghi sổ kế toán... chứng từ kế toán phải theo trình tự thời gian và bảo quản an toàn theo quy định...”, còn tình trạng tẩy xóa, sửa chữa nội dung ghi trên chứng từ, tẩy xóa sổ chứng từ, ngày tháng năm ghi trên chứng từ; chứng từ thu, chi đánh số tùy tiện, không theo thứ tự ngày tháng, một chứng từ phát sinh nhưng nhiều lần chỉnh sửa nội dung gây rất nhiều khó khăn trong quá trình kiểm tra, đối chiếu (chứng từ thu ngày 21/8/2021: Rút ngân hàng nhập quỹ tiền mặt số tiền 94 triệu đồng, sửa lần 1: “thu hồi tạm ứng tiền mua vật tư”, sửa lần 2: “thu tiền thuê trạm Viettel, số tiền 42 triệu” và “thu tiền về chi trả tiền vay 52 triệu”...).

- Chưa thực hiện tốt việc bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán theo quy định tại khoản 2 Điều 21, Điều 41 Luật Kế toán 2015 (Chứng từ kế toán phải được sắp xếp theo nội dung kinh tế, theo trình tự thời gian và bảo quản an toàn theo quy định của pháp luật; Tài liệu kế toán phải được đơn vị kế toán bảo quản đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng và lưu trữ...),

- Trong thời gian thanh tra, kế toán nhiều lần thay đổi nội dung chi trên chứng từ kế toán và ba lần thay đổi sổ quỹ tiền mặt và báo cáo tài chính là vi phạm theo quy định tại khoản 10 Điều 13 Luật Kế toán 2015 (các hành vi bị nghiêm cấm): “Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên hoặc cung cấp, công bố các báo cáo tài chính có số liệu không đồng nhất trong cùng một kỳ kế toán”, gây khó khăn cho Đoàn thanh tra

và làm mất nhiều thời gian, ảnh hưởng tiến độ cuộc thanh tra theo quy định Luật Thanh tra năm 2022.

- Trong 2 năm, kế toán lập các phiếu thu hồi tạm ứng tổng số tiền 370.802.636 đồng phản ánh vào sổ quỹ tiền mặt, tuy nhiên qua kiểm tra chứng từ cho thấy một số khoản thu tạm ứng trong số này là không có cơ sở vì những lý do sau:

+ Năm 2021: Thu hồi 65.000.000 đồng tạm ứng mua vật tư từ năm 2020, Nhà trường đã bổ sung các phiếu chi tạm ứng, qua kiểm tra cho thấy số tiền chi tạm ứng là 43.000.000 đồng, số còn lại 22.000.000 đồng, gồm: tạm ứng của Vũ Huy Hùng 12 triệu đồng có phiếu chi tạm ứng ngày 19/6/2019 (sau đó sửa thành năm 2020) nhưng không vào sổ kế toán; chi tạm ứng cho Nguyễn Xuân 10 triệu đồng nhưng thực tế là chi tiền nhân công làm máy lạnh tại Thuận Nam cho Nguyễn Xuân 12,6 triệu đồng đã hạch toán vào chi phí (TK 6421) năm 2020 (*chứng từ PCDV 006 ngày 21/01/2020*).

+ Năm 2022: Thu hồi tạm ứng từ năm 2020 số tiền 305.802.636 đồng, Nhà trường đã bổ sung các phiếu chi tạm ứng, tuy nhiên tất cả các phiếu chi đều bị sửa từ năm 2019 thành năm 2020 qua kiểm tra các chứng từ thu, chi tạm ứng cho thấy, tổng số tiền chi tạm ứng là 203.552.636 đồng, tổng số tiền thu hồi tạm ứng nhưng không có chứng từ chi tạm ứng năm 2022 là 102.250.000 đồng.

Tổng số tiền thu tạm ứng trong 2 năm không có chứng từ chi tạm ứng là 124.250.000 đồng. Ngoài ra, sổ quỹ tiền mặt năm 2020 không có chữ ký xác nhận của kế toán, thủ quỹ và thủ trưởng đơn vị, nội dung thu, chi tạm ứng trên sổ quỹ tiền mặt không ghi rõ đối tượng tạm ứng, do đó Đoàn thanh tra không có cơ sở để xác định số tiền này đã được thu hoàn ứng trước đó hay chưa, do vậy kế toán Nhà trường phải chịu trách nhiệm đối với các khoản thu, chi tạm ứng này.

(Chi tiết các khoản tạm ứng và hoàn ứng 2 năm trên Biểu số 03).

- Nhà trường chưa thực hiện tốt việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018: "*Các cơ quan đơn vị phải thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu, chi sau đây:....b) Các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên*".

- Nhà trường chưa thực hiện tốt quản lý nguồn thu học phí theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ: "*Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu học phí và nộp học phí vào ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để quản lý, sử dụng. Trong trường hợp phát sinh khoản thu học phí bằng tiền mặt thì định kỳ, đơn vị phải làm thủ tục chuyển (nộp) toàn bộ học phí đã thu bằng tiền mặt còn dư tại quỹ vào tài khoản của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để quản lý theo quy định*".

* Đối với khoản chi trả nợ vay tiền mua xe, số tiền 298.296.296 đồng (PCDV 094 ngày 31/12/2021). Theo giải trình thì đây là khoản chi để bù đắp số tiền mặt nhà trường đã ứng trước để chi trả nợ vay ngân hàng để mua xe sát hạch trước đây nhưng chưa vào sổ; và kiểm tra sổ quỹ tiền mặt năm 2020 của Nhà trường thì ngày 31/12/2020 đã chi trả lãi vay ngân hàng số tiền 353.112.631 đồng (chứng từ PCDV 116 ngày 31/12/2020). Như vậy, tổng số tiền mặt Nhà trường đã chi để trả lãi vay ngân hàng trong năm 2020, 2021 là 651.408.927 đồng.

Qua rà soát số liệu chi trả nợ vay ngân hàng theo báo cáo của Nhà trường, tổng số tiền Nhà trường đã chi trả nợ cho khoản vay mua xe sát hạch cho ngân hàng là 1.004.408.927 đồng, bao gồm:

+ Trả nợ vay cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Ninh Thuận: 734.520.000 đồng (nợ gốc: 422.619.502đ, lãi: 311.900.498đ; từ tháng 9/2019 đến 3/2021 (10 cá nhân), không phản ánh vào sổ kế toán và báo cáo tài chính các năm do đó Đoàn thanh tra chưa xác định được Nhà trường đã lấy từ nguồn nào để chi trả; từ tháng 4/2021 đến nay, chuyển giao lại cho Trung tâm sát hạch tiếp tục trả nợ vay;

+ Trả nợ vay cho Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Đông Mỹ Hải (3 cá nhân, trả bằng tiền mặt): 269.888.927 đồng (nợ gốc: 189.169.963đ, lãi: 80.718.964đ; từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2021 (03 cá nhân), cũng không phản ánh vào sổ kế toán và báo cáo tài chính các năm; từ năm 2022, giao lại Trung tâm sát hạch tiếp tục trả nợ vay.

Như vậy, đối chiếu với số tiền 651.408.927 đồng đã chi trong 2 năm 2020, 2021 nêu trên thì kế toán chi tiền mặt vượt 381.520.000 đồng (651.408.927đ - 269.888.927đ).

- Đoàn thanh tra tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt dựa trên số liệu tồn quỹ từ cuối ngày 31/12/2022 đến ngày 09/11/2023: số tiền mặt tồn quỹ là 61.267.000 đồng, trùng khớp sổ quỹ tiền mặt do kế toán cung cấp (có biên bản kiểm kê).

- Quá trình thanh tra cho thấy, hiện nay Nhà trường đang có một số khoản thu, chi phát sinh trên tài khoản mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Ninh Thuận (số hiệu: 6160042392) từ các năm trước đến thời điểm thanh tra, nhưng không đưa vào theo dõi trên sổ kế toán và báo cáo tài chính, có rất nhiều khoản phát sinh liên quan đến hoạt động của Nhà trường như: thu học phí các lớp liên kết đào tạo; thu học phí sinh viên và các khoản thu khác, chi học bổng sinh viên; thu kinh phí công đoàn, thu thuế thu nhập cá nhân của giáo viên thuê giảng các lớp cao đẳng, trung cấp; thu hồi tiền từ khoản chi cho giáo viên thỉnh giảng, thu tiền học văn hóa của sinh viên các khóa, chi trả nợ vay ngân hàng, chi lễ tết, thu chi tiền mặt...được phản ánh vào tài khoản này và một số khoản chi đã quyết toán trong năm cũng chuyển vào tài khoản này để thanh toán lòng vòng, gây rất nhiều khó khăn trong công tác kiểm tra, đối chiếu. Như vậy, Nhà trường đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Kế toán 2015:“

Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính”.

+ Tổng số các khoản thu chi phát sinh trong tài khoản nêu trên từ năm 2021 đến thời điểm thanh tra như sau:

* Năm 2021: Tổng phát sinh là 1.383.106.959 đồng (thu: 649.770.360đ, chi: 733.336.599đ), trong đó: Tổng số tiền thu học phí và các khoản đóng góp của sinh viên là 169.297.000 đồng, đã chuyển sang để nộp vào sổ kế toán để phản ánh khoản thu học phí trong năm 2021 số tiền 155.400.000 đồng;

* Năm 2022: Tổng phát sinh là 2.697.641.456 đồng (thu: 1.227.257.423đ, chi: 1.470.384.033đ), trong đó: Tổng số tiền thu học phí và các khoản đóng góp của sinh viên là 291.899.400 đồng, đã chuyển sang để nộp vào sổ kế toán để phản ánh khoản thu học phí trong năm 2022 số tiền 190.821.000 đồng.

* Năm 2023: Tổng phát sinh là 2.697.641.456 đồng (thu: 1.482.348.709đ, chi: 1.325.240.963đ), số dư đến ngày 09/11/2023: 167.925.674 đồng.

6. Theo dõi công nợ:

Không thực hiện việc theo dõi và đối chiếu các khoản công nợ phải thu phải trả. Một số khoản nợ tạm ứng trong nội bộ Nhà trường có bổ sung xác nhận, tuy nhiên kế toán không mở sổ theo dõi chi tiết công nợ, Đoàn thanh tra đã tiến hành đối chiếu một số khoản nợ do kế toán cung cấp và số dư trên tài khoản nhưng không trùng khớp, do đó không có cơ sở xác định và kế toán Nhà trường chịu trách nhiệm đối với số dư trên các tài khoản nợ của Nhà trường.

7. Công tác quản lý, sử dụng tài sản:

- Đối với bàn giao tài sản cho Trung tâm sát hạch: Thực hiện Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Trường Cao đẳng nghề (Trung tâm); ngày 27/11/2020 Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề ban hành Quyết định số 267a về thành lập Hội đồng bàn giao tài sản, ô tô và các tài sản khác cho Trung tâm. Tuy nhiên, Nhà trường không thực hiện đúng về thẩm quyền điều chuyển tài sản công theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND tỉnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công tỉnh Ninh Thuận.

- Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Kế toán 2015, đơn vị kế toán khi bị chia, tách thì phải kiểm kê tài sản. Tuy nhiên, Nhà trường chưa thực hiện kiểm kê để tiến hành bàn giao tài sản theo quy định;

- Nhà trường có xây dựng quy chế quản lý tài sản theo quy định; tuy nhiên một số nội dung không thực hiện theo quy chế đã xây dựng như việc theo dõi tài sản, đánh giá tài sản theo định kỳ...

8. Xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính

a) Quy chế chi tiêu nội bộ:

Trong 2 năm, Nhà trường có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Qua kiểm tra các nội dung chi theo quy chế thì kế toán không thực hiện đúng theo quy định về hóa đơn chứng từ, không tuân thủ quy trình mua sắm, cụ thể về chi mua văn phòng phẩm, đặc biệt là việc mua sắm vật tư phục vụ các lớp dạy nghề không theo định mức đã xây dựng, hàng hóa, vật tư mua về không theo dõi nhập, xuất kho, chi trang phục vượt định mức theo quy chế...

b) Công khai tài chính:

Nhà trường có thực hiện công khai tài chính hàng năm, tuy nhiên số liệu công khai chưa thực hiện đầy đủ theo mẫu số 02, mẫu số 03 Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

PHẦN C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

I. Kết luận

1. Ưu điểm:

a) Đối với Trung tâm sát hạch:

- Trung tâm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao trong việc đào tạo, cấp bằng lái xe các hạng chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường và phát triển xã hội; đội ngũ giáo viên của Trung tâm nhiều kinh nghiệm, tận tình.

- Thực hiện tốt việc xây dựng các định mức thu, chi học phí cấp bằng lái xe gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định; các khoản thu chi của Trung tâm đều được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ.

- Công tác quản lý các nguồn thu, chi sau khi được tách ra khỏi Trường Cao đẳng nghề được quản lý chặt chẽ hơn về trình tự thủ tục, về công tác hạch toán, quản lý chứng từ kế toán; các chế độ, chính sách của giáo viên và người lao động được quan tâm, giải quyết kịp thời.

b) Đối với Nhà trường:

Nhà trường là đơn vị duy nhất trên địa bàn tỉnh thực hiện chức năng đào tạo nguồn nhân lực ở 3 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nghề cho tỉnh trong lĩnh vực công nghệ, cơ khí, xây dựng, thủy sản...

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; công tác tuyển sinh hàng năm của Nhà trường đều vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

Đội ngũ giáo viên, viên chức của trường công tác lâu năm, có nhiều kinh nghiệm.

Về công tác quản lý tài chính: Đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công, có thực hiện công khai tài chính hàng năm.

2. Những mặt còn tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong công tác quản lý tài chính, tài sản trong 2 năm 2021, 2022 vẫn còn những vấn đề tồn tại, hạn chế như sau:

a) Đối với Trung tâm sát hạch:

*** Đối với các khoản chi:**

- Chi truy lĩnh lương và phụ cấp ưu đãi nghề, số tiền 5.004.910 đồng; hạch toán vào khoản phải trả là không đúng.

- Chi trả lệ phí trước bạ sang tên xe tập lái, số tiền 88.690.384 đồng, đưa vào chi phí quyết toán trong năm 31.621.765 đồng, số còn lại 57.068.619 đồng chưa đưa vào quyết toán là chưa phù hợp.

- Chuyển bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe tập lái 85A-066.05 trùng 2 lần, số tiền 676.840 đồng.

- Đưa vào chi phí quyết toán trong 2 năm các khoản chi khen thưởng, hỗ trợ tết cho giáo viên số tiền: 174.471.000 đồng không đúng theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thu hồi khoản đã trả cho bảo vệ do chi sai số tiền 12.549.000 đồng, hạch toán tăng nợ phải thu là không đúng.

- Hạch toán tăng tài sản đối với chi phí gói thầu mua sắm xe sát hạch năm 2020, số tiền 30.145.464 đồng là không phù hợp.

- Trung tâm hạch toán tăng nợ vay dài hạn đối với số tiền 900.900.973 đồng do Công ty Cổ phần Toyota Nha Trang chuyển trả lại tiền đặt cọc mua xe và thu số tiền 300.791.787 đồng từ Nhà trường là không đúng nguyên tắc kế toán vì đây là khoản phát sinh công nợ giữa các bên không liên quan đến khoản nợ vay ngân hàng;

- Việc Nhà trường dùng tiền vay để đặt cọc mua xe sát hạch cho Trung tâm vào năm 2019 khi chưa có chủ trương gây thiệt hại số tiền 339.099.027 đồng.

*** Thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước**

Trung tâm chưa thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 2% đối với hai khoản thu cho thuê xe tập luyện và cho thuê sân sát hạch cấp bằng lái xe, tổng số tiền trong 2 năm là 34.310.930 đồng, cụ thể:

- Tập luyện xe sát hạch, số tiền 12.435.200 đồng:

- Cho thuê sân sát hạch lái xe, số tiền 21.875.730 đồng:

*** Công tác theo dõi, quản lý tài sản:**

- Việc mở sổ theo dõi tài sản còn sơ sài, chưa phản ánh đầy đủ các loại tài sản như: nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị chuyên dùng...; theo nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại (nguyên nhân: chưa được nhận bàn giao đầy đủ từ Nhà trường);

- Chưa cộng lệ phí trước bạ 47.800.000 đồng/xe đối với 6 xe sát hạch mua mới vào giá trị xe để hạch toán tăng tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (nay là Thông tư số 23/2023/TT-BTC) là chưa phù hợp;

- Trung tâm chưa thực hiện việc trích khấu hao tài sản theo tỷ lệ đối với từng loại tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để chi trả nợ vay ngân hàng đối với các tài sản mua sắm từ nguồn vốn vay theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

*** Công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán, theo dõi công nợ:**

- Trung tâm chưa thực hiện tốt công tác kế toán theo quy định Luật Kế toán năm 2015; một số nội dung phát sinh hạch toán sai nguyên tắc kế toán và một số nội dung có hạch toán trên sổ kế toán nhưng không đưa vào bảng cân đối số phát sinh (*khoản thu từ Công ty Toyota, thu từ Nhà trường...*), dẫn đến tình trạng sai lệch số liệu trên báo cáo tài chính so với sổ kế toán.

- Không theo dõi đối chiếu công nợ hàng năm đối với các khoản nợ phát sinh mới sau khi được thành lập;

- Chưa tiến hành đối chiếu, xác định lại số tiền Nhà trường đã chi trả nợ vay các năm trước để làm cơ sở tiếp tục theo dõi nợ vay ngân hàng trên báo cáo tài chính;

- Chưa thực hiện việc bàn giao công tác kế toán giữa Nhà trường và Trung tâm theo quy định tại Điều 44 Luật Kế toán năm 2015.

*** Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính**

- Về Quy chế chi tiêu nội bộ: Ngày 06/12/2021, Trung tâm xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ có hiệu lực áp dụng cho hai năm 2021, 2022 là không phù hợp đối với việc thực hiện quy chế trong năm 2021.

- Công khai tài chính: Năm 2021, Trung tâm chưa thực hiện công khai đầy đủ các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính (công khai theo mẫu số 3, thiếu mẫu số 2, số 4).

b) Đối với Nhà trường:

b1) Nguồn ngân sách nhà nước:

Chi trang phục vượt định mức theo quy chế nội bộ trong 2 năm, số tiền 48.300.000 đồng, danh sách nhận trang phục không đầy đủ, trùng tên, chi không đúng đối tượng...

b2) Nguồn học phí:

- Đối với nguồn thu: chưa ghi nhận doanh thu từ nguồn học phí trong 2 năm, số tiền 44.250.000 đồng; dẫn đến trích lập 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương thiếu 17.700.000 đồng;

- Đối với các khoản chi: Tổng sai phạm trong 2 năm từ nguồn học phí: 130.974.200 đồng, bao gồm:

+ Chi trùng và đưa vào quyết toán 2 lần khoản chi gia hạn chữ ký số, số tiền: 2.909.000 đ;

+ Chi trang phục vượt định mức, số tiền 79.315.200 đồng;

+ Hoàn ứng tiền mua vật tư số tiền 48.750.000 đồng, không có chứng từ;

- Chi hỗ trợ bồi dưỡng giáo dục nghề nghiệp đưa vào chi phí quyết toán trong năm 2021 là chưa phù hợp, số tiền 61.000.000 đồng (1trđ/người);

- Chi từ nguồn học phí trong năm 2022 vượt số thu học phí được để lại (60%), số tiền 1.326.303.172 đồng.

b3) Nguồn hoạt động dịch vụ:

- Trong năm 2022, chưa ghi nhận doanh thu hoạt động dịch vụ số tiền 85.950.000 đồng (cho thuê hội trường: 3.700.000 đồng; liên kết đào tạo: 82.250.000 đồng).

- Chi truy lĩnh lương năm 2021, số tiền 11.921.174 đồng đưa vào quyết toán nguồn học phí năm 2021, số còn lại 4.708.383 đồng quyết toán nguồn hoạt động dịch vụ năm 2022 là không phù hợp niên độ kế toán.

- Đưa vào quyết toán khoản chi mua văn phòng phẩm, số tiền 8.905.000 đồng (PCDV 128 ngày 31/12/2022) nhưng thực tế không có phiếu chi này.

b4) Các khoản chi khác:

* Chi từ nguồn tài trợ đào tạo nghề do ảnh hưởng dịch Covid-19:

Tổng số tiền nhà tài trợ chuyển cho Nhà trường 694.665.700 đồng, bao gồm tiền mua vật tư dạy nghề: 605.675.200 đồng (Nhà trường chịu trách nhiệm về nội dung và chứng từ chi); chi trả hợp đồng lao động: 88.990.500 đồng. Nhà trường đã chi trả tiền công cho ông Trần Thành Trung 93.832.370 đồng (hạch toán vào tài khoản phải thu khác - TK 1388), vượt số tiền được hỗ trợ là 4.841.870 đồng, do đó phải đưa vào chi phí quyết toán trong năm.

Ngoài ra, việc hạch toán đối với khoản thu chi này không thống nhất trên cùng tài khoản, do đó khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu.

* Đào tạo nghề cho Trường Cao đẳng nghề số 8:

Nhà trường không cung cấp các hồ sơ như: hợp đồng đào tạo, không có biên bản quyết toán giữa hai bên, tổng số tiền quyết toán 499.841.759 đồng (Nhà trường chịu trách nhiệm về nội dung và chứng từ chi).

b5) Thực hiện nghĩa vụ NSNN:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp bổ sung là: 14.812.515 đồng;

- Thuế thu nhập cá nhân 10% đã khấu trừ từ khoản chi tư vấn tuyển sinh nhưng chưa hạch toán vào tài khoản thuế thu nhập cá nhân phải nộp (TK 3335), số tiền 3.111.000 đồng.

b6) Công tác quản lý tài chính, kế toán:

- Chưa thực hiện mở sổ kế toán đầy đủ theo quy định tại Điều 26 Luật Kế toán năm 2015 và Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Không hạch toán ghi nhận khoản thu từ hoa hồng đại lý do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả năm 2022, số tiền 8.721.070 đồng;

- Chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 5, Điều 18, Điều 21 về yêu cầu kế toán, chứng từ kế toán; chưa thực hiện tốt việc bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán theo quy định tại khoản 2 Điều 21, Điều 41 Luật Kế toán năm 2015;

- Chưa thực hiện tốt việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018;

- Chưa thực hiện tốt việc thu học phí và nộp học phí vào ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

- Chưa thực hiện việc theo dõi công nợ phải thu, nợ phải trả; công tác quản lý tài chính lỏng lẻo, thiếu sự kiểm tra, đối chiếu giữa các khoa phòng rất dễ dẫn đến lãng phí, tiêu cực;

- Lập các phiếu thu hồi tạm ứng trong 2 năm số tiền 370.802.636 đồng, nhưng chỉ có 246.552.636 đồng là có chứng từ chi tạm ứng, số còn lại 124.250.000 đồng (năm 2021: 22 triệu đồng, năm 2022: 102,25 triệu đồng) là những chứng từ đã thực chi, không có chứng từ, chứng từ không vào sổ kế toán... Ngoài ra, sổ quỹ tiền mặt năm 2020 không có chữ ký xác nhận của kế toán, thủ quỹ và thủ trưởng đơn vị; nội dung thu tạm ứng trên sổ quỹ tiền mặt không ghi rõ tên đối tượng tạm ứng;

- Đối chiếu số tiền 561.408.927 đồng đã chi trong 2 năm 2020, 2021 để trả nợ vay ngân hàng với số tiền 269.888.927 đồng đã thực chi trả nợ vay tiền mua xe (chi tiền mặt) tại Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh Đông Mỹ Hải từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2021, chênh lệch số tiền 381.520.000 đồng;

- Đối với một số khoản thu, chi phát sinh trên tài khoản mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Ninh Thuận (số hiệu: 6160042392) không đưa vào theo dõi sổ kế toán và báo cáo tài chính là vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 13 Luật kế toán năm 2015.

b7) Công tác quản lý, sử dụng tài sản:

- Ban hành quyết định bàn giao tài sản cho Trung tâm sát hạch chưa đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày

12/7/2018 của HĐND tỉnh và chưa thực hiện việc kiểm kê và bàn giao tài sản cho Trung tâm sát hạch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Kế toán năm 2015 (trường hợp đơn vị kế toán bị chia, tách...);

- Chưa thực hiện đúng theo quy chế quản lý, sử dụng tài sản đã xây dựng và chưa thực hiện việc kiểm kê tài sản theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 40 Luật Kế toán năm 2015;

- Đối với tài sản cho thuê, chưa thực hiện việc xây dựng Đề án cho thuê tài sản theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; cho thuê mái nhà xưởng để đặt trụ thu phát sóng từ năm 2014 đến nay là không đúng vì hiện nay chưa có quy định về vấn đề này.

b8) Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và công khai tài chính:

- Nhà trường có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, tuy nhiên một số nội dung chi không thực hiện theo quy chế đã xây dựng như: định mức vật tư dạy nghề, chứng từ thanh toán, chi trang phục, chi hội họp...

- Chưa thực hiện việc giao khoán định mức vật dụng, văn phòng phẩm... cho các khoa phòng dẫn đến trình trạng mua sắm không kiểm soát dễ dẫn đến tình trạng thất thoát, lãng phí;

- Chưa thực hiện đầy đủ các biểu mẫu công khai tài chính hàng năm theo quy định.

3. Nguyên nhân:

3.1 Nguyên nhân khách quan:

- Trung tâm là đơn vị mới được thành lập được tách ra từ Trường Cao đẳng nghề đầu năm 2020, thời gian đầu còn gặp khó khăn về cơ sở vật chất do các quy định về cơ chế chính sách trong công tác đào tạo sát hạch cấp bằng lái xe; mặt khác do dịch bệnh Covid-19 kéo dài ảnh hưởng đến nguồn thu hoạt động của Trung tâm, nguồn thu thấp trong khi phải chi trả các chi phí như tiền lương, nợ vay ngân hàng... để duy trì hoạt động của Trung tâm

- Mặc dù Trung tâm được thành lập và được giao tự chủ về tài chính (nhóm 2) theo quyết định của UBND tỉnh nhưng về mặt quản lý tài chính, công tác kế toán vẫn còn phụ thuộc vào Trường Cao đẳng nghề, không kịp thời xác định số liệu kế toán để bàn giao Trung tâm tiếp tục theo dõi, sử dụng chung phần mềm kế toán, nhân viên được giao phụ trách công tác kế toán của Trung tâm thuộc biên chế của Trường Cao đẳng nghề còn hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ dẫn đến nhầm lẫn và nhiều sai sót trong công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán.

3.2 Nguyên nhân chủ quan:

- Để xảy ra tình trạng quản lý tài chính lỏng lẻo, thiếu kiểm soát như đã nêu trên trước hết do bộ phận làm công tác quản lý tài chính, kế toán của Nhà trường không

tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, không tuân thủ nguyên tắc hạch toán kế toán, vi phạm các quy định Luật Kế toán năm 2015.

- Ban Giám hiệu Nhà trường, đứng đầu là Hiệu trưởng thiếu sự kiểm tra, kiểm soát, tin tưởng và giao toàn bộ công tác quản lý tài chính, kế toán của Nhà trường cho kế toán trưởng điều hành bộ phận kế toán.

- Kế toán trưởng của Nhà trường không tuân thủ về trách nhiệm và quyền của kế toán trưởng quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Kế toán năm 2015.

- Quy trình nhập xuất kho vật tư, văn phòng phẩm, dụng cụ, đặc biệt là vật tư phục vụ dạy nghề thiếu sự chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát nội bộ, chưa được phân công phối hợp giám sát và quản lý chặt chẽ giữa bộ phận kế toán và các khoa, phòng có liên quan.

- Chưa tiến hành bàn giao tài chính, tài sản rõ ràng đối với đơn vị trực thuộc sau khi được tách đơn vị kế toán độc lập.

- Kế toán Trung tâm chưa thực hiện hết trách nhiệm trong công tác tiếp nhận, đối chiếu các số liệu sau khi tách đơn vị kế toán.

- Trường Cao đẳng nghề là đơn vị chủ quản, tuy nhiên công tác kiểm tra, giám sát đơn vị trực thuộc còn lỏng lẻo, không kiểm tra quyết toán hàng năm đối với đơn vị trực thuộc theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và có nhiều sai phạm trong công tác quản lý tài chính, tài sản.

4. Trách nhiệm:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định một số điều của Luật NSNN năm 2015: “4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức và người phụ trách công tác tài chính, kế toán tại đơn vị sử dụng ngân sách quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong lĩnh vực tài chính - ngân sách và chịu trách nhiệm về những sai phạm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật”. Như vậy, để xảy ra tình trạng sai phạm về quản lý tài chính kế toán, tài sản công nêu trên, trách nhiệm trước hết thuộc về người đứng đầu là Hiệu trưởng Nhà trường và là người trực tiếp ký các chứng từ kế toán;

- Thứ hai, trách nhiệm thuộc về kế toán trưởng có nhiều sai phạm trong công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác hạch toán kế toán, bảo quản và lưu trữ chứng từ kế toán;

- Đối với Trung tâm sát hạch, Giám đốc và kế toán Trung tâm chịu trách nhiệm đối với các sai sót trong công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán, tài sản công nêu trên.

II. Kiến nghị biện pháp xử lý

1. Đối với Trung tâm sát hạch:

a) Xử lý về tài chính:

- Nộp bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động cho thuê trong 2 năm 2021, 2022 số tiền: 34.310.930 đồng.
- Thu hồi nộp ngân sách khoản chi trả bảo hiểm xe chi trùng hai lần, số tiền: 676.840 đồng.

b) Xử lý khác:

Đến thời điểm hiện tại, Trung tâm đã hoàn thành việc quyết toán năm 2023, do đó đề nghị Trung tâm thực hiện bổ sung các nội dung kiến nghị qua thanh tra vào báo cáo quyết toán năm 2024 như sau:

- Bổ sung chi phí quyết toán năm 2024 các khoản sau:
 - + Chi truy lĩnh lương và phụ cấp ưu đãi nghề năm 2021, số tiền 5.004.910 đồng;
 - + Lệ phí trước bạ sang tên xe sát hạch số tiền 57.068.619 đồng;
 - + Chi phí đấu thầu mua xe sát hạch số tiền 30.145.464 đồng, đồng thời giảm giá trị tài sản cố định (TK 211) số tiền tương ứng;
- Đối với khoản thu hồi tiền công đã chi trả cho bảo vệ năm 2022, số tiền 12.549.000 đồng, đề nghị giảm chi phí trong năm 2024;
- Điều chỉnh giảm chi phí quyết toán trong 2 năm khoản chi khen thưởng, lễ tết, số tiền 174.471.000 đồng hạch toán vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Đối với số tiền chênh lệch mua áo đồng phục cho học viên, đề nghị bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; điều chỉnh lại các quỹ theo Biểu số 01;
- Đối với số tiền nộp lệ phí trước bạ cho 6 xe sát hạch mới năm 2021, số tiền 286.800.000 đồng (47.800.000 đồng/xe), đề nghị cộng vào nguyên giá xe để hạch toán tăng tài sản theo quy định;
- Chấn chỉnh công tác hạch toán kế toán, thực hiện theo dõi chi tiết các khoản nợ tạm ứng, nợ phải thu, phải trả..., đối chiếu công nợ theo quy định; thực hiện nghiêm công tác hạch toán kế toán, chứng từ phải đảm bảo đúng theo quy định Luật Kế toán năm 2015;
- Tiếp tục rà soát, đối chiếu lại tất cả các khoản vay và số trả nợ ngân hàng (bao gồm nợ gốc và lãi), hạch toán theo dõi đúng quy định;
- Thực hiện mở sổ theo dõi tài sản và trích khấu hao tài sản theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (sau khi nhận bàn giao tài sản từ Trường Cao đẳng nghề);
- Công khai tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định tại Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Đối với trích khấu hao tài sản và sử dụng nguồn khấu hao hàng năm, đề nghị Trung tâm thực hiện như sau:

+ Trích bổ sung khấu hao tài sản, đồng thời tăng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp số tiền 964.799.154 đồng từ khoản trả lãi vay ngân hàng trong 2 năm 2021, 2022 đã đưa vào chi phí quyết toán;

+ Kể từ quyết toán năm 2023 trở đi, Trung tâm thực hiện theo hướng dẫn đối với tài sản (xe sát hạch) mua từ nguồn vốn vay theo trình tự: Trong năm, trích khấu hao tài sản theo tỷ lệ % theo quy định bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và dùng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để chi trả nợ vay ngân hàng (*trong trường hợp số trích khấu hao không đủ để chi trả nợ vay thì được lấy từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để chi trả*);

+ Đối với số tiền 540.711.785 đồng, chênh lệch giữa khoản trả nợ vay ngân hàng và số trích khấu hao qua thanh tra xác định lại, đề nghị Trung tâm hạch toán giảm quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (số được trích lập từ kết quả hoạt động cuối năm 2022, tài khoản 43141);

+ Điều chỉnh giảm Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 2 năm số tiền 2.105.956.268 đồng (số dư cuối năm 2022, được trích lập từ khấu hao tài sản, tài khoản 43142) do hạch toán không đúng quy định đối với quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp dùng để chi trả nợ vay ngân hàng;

- Từ những sai phạm, khuyết điểm nêu trên, đề nghị Trung tâm tổ chức họp kiểm điểm xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý tài chính kế toán, tài sản của Trung tâm trong 2 năm 2021, 2022 để có hình thức xử lý theo quy định, báo cáo kết quả xử lý về Trường Cao đẳng nghề để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính (qua Thanh tra Sở) để theo dõi xử lý cán bộ và theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra.

2. Đối với Nhà trường:

a) Xử lý về tài chính:

- Nộp bổ sung vào ngân sách Nhà nước các khoản thuế, tổng số tiền: 17.923.515 đồng, cụ thể:

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: 14.812.515 đồng;

+ Thuế thu nhập cá nhân: 3.111.000 đồng.

- Thu hồi nộp ngân sách Nhà nước các khoản sai phạm qua thanh tra, tổng số tiền 312.695.270 đồng, bao gồm:

+ Khoản chi trang phục vượt định mức năm 2021, 2022: 127.615.200 đồng (nguồn NSNN: 48.300.000 đồng; nguồn học phí: 79.315.200 đồng);

+ Khoản thu hoa hồng bảo hiểm: 8.721.070 đồng;

+ Khoản thu cho thuê tài sản không đúng quy định: 124.700.000 đồng (cho thuê sân cầu lông: 37.000.000 đồng; cho thuê hội trường: 3.700.000 đồng; thuê đặt trụ thu phát sóng: 84.000.000 đồng);

+ Các khoản chi không có chứng từ, chi trùng từ nguồn học phí trong 2 năm (trừ chi trang phục): 51.659.000 đồng.

- Đối với số tiền bồi thường do hủy hợp đồng đặt cọc mua xe sát hạch của Công ty Toyota, số tiền 339.099.027 đồng, đề nghị Hiệu trưởng Nhà trường xác định rõ trách nhiệm cá nhân liên quan, đồng thời nộp hoàn trả lại quỹ của Nhà trường theo đúng quy định.

b) Xử lý khác:

- Đề nghị ghi nhận bổ sung doanh thu 2 năm (ghi có tài khoản 531), số tiền 126.500.000 đồng (học phí: 44.250.000 đồng; dịch vụ: 82.250.000 đồng); đồng thời trích lập bổ sung nguồn cải cách tiền lương từ thu học phí số tiền 17.700.000 đồng ($44.250.000đ * 40%$); thu hồi các khoản công nợ (nếu có), khoản chi vượt nguồn học phí năm 2022 số tiền 1.326.303.172 đồng để hoàn trả đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương qua thanh tra đã xác định lại là 10.099.844.761 đồng;

- Điều chỉnh hạch toán các nguồn học phí và nguồn dịch vụ trong 2 năm đối với các khoản chi trả tiền công, chi mua văn phòng phẩm... đã nêu trong kết luận thanh tra trên Biểu số 02;

- Đối với khoản chi hỗ trợ đào tạo chức danh nghề nghiệp, số tiền 61 triệu đồng, đề nghị điều chỉnh hạch toán chi từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

- Đối với các khoản thu tạm ứng không có chứng từ chi tạm ứng trong 2 năm, số tiền 124.250.000 đồng, đề nghị Hiệu trưởng chỉ đạo kế toán Nhà trường tiếp tục rà soát đối chiếu và chịu trách nhiệm về toàn bộ các chứng từ thu chi tạm ứng của Nhà trường theo quy định pháp luật;

- Đối với số tiền 381.520.000 đồng chênh lệch giữa số đã chi tiền mặt trong 2 năm 2020, 2021 và số đã thực chi trả nợ vay tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Đông Mỹ Hải, đề nghị Nhà trường có trách nhiệm tiếp tục rà soát, kiểm tra để làm rõ; đồng thời phải thực hiện đối chiếu, bàn giao các khoản nợ vay mua xe cho Trung tâm sát hạch để tiếp tục theo dõi, trả nợ theo hợp đồng vay vốn giữa hai bên;

- Đối với các khoản thu học phí, đề nghị Nhà trường thực hiện nộp vào tài khoản tại Ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; hạn chế tối đa các khoản thanh toán bằng tiền mặt, thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025;

- Đề nghị Nhà trường mở đầy đủ sổ kế toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (kể từ năm 2025, thực hiện chế độ kế toán theo quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BTC); chấn chỉnh công tác hạch toán kế toán, phản ánh trung thực, đầy đủ, kịp thời các khoản thu chi phát sinh trong năm theo quy định Luật Kế toán năm 2015; theo dõi công nợ (nếu có); thực hiện tốt cơ chế quản lý tài chính theo quy định của Chính phủ đối với đơn vị sự nghiệp;

- Đề nghị đơn vị thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế nộp vào NSNN đối với các hoạt động theo đúng quy định;

- Đề nghị Nhà trường thực hiện tất toán toàn bộ các khoản thu, chi đang theo dõi trên tài khoản số 6160042392 tại Ngân hàng ĐT&PT Ninh Thuận và phản ánh trung thực các khoản thu, chi vào Sổ kế toán theo đúng quy định Luật Kế toán; chấm dứt tình trạng theo dõi các khoản thu chi như hiện nay;

- Thực hiện công khai tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định tại Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Chấn chỉnh, rà soát, sắp xếp lại tổ chức kế toán của Nhà trường để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, kế toán theo quy định, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét bố trí người có đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về công tác quản lý tài chính kế toán của Nhà trường phù hợp tình hình thực tế, đúng quy định pháp luật.

- Đối với quản lý, sử dụng tài sản, đề nghị Nhà trường thực hiện các kiến nghị sau:

+ Đối với số tiền thu từ việc cho Công ty Viettel thuê đặt trụ thu phát sóng, thu cho thuê nhà thi đấu đa năng trong năm 2023 và năm 2024, đề nghị tiếp tục nộp vào NSNN; đồng thời khẩn trương xây dựng đề án cho thuê tài sản công (nhà thi đấu đa năng) và các tài sản khác sử dụng vào mục đích cho thuê (nếu có) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Trong thời gian chưa được phê duyệt Đề án, không được tiếp tục sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê như hiện nay; hai bên khẩn trương làm việc thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng cho thuê lắp đặt trụ thu phát sóng, chậm nhất trong năm 2024;

+ Căn cứ quy định hiện hành về phân cấp, quản lý tài sản để tham mưu UBND tỉnh, Sở Tài chính điều chuyển tài sản cho Trung tâm sát hạch và hướng dẫn hạch toán tăng tài sản theo quy định; khẩn trương đối chiếu số liệu và bàn giao toàn bộ công tác kế toán giữa Nhà trường và Trung tâm sát hạch;

+ Chính trang lại toàn bộ sổ theo dõi tài sản theo từng loại tài sản quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và quản lý tài sản theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

- Trên cơ sở những vi phạm, khuyết điểm nêu trên, đề nghị Ban Giám hiệu Nhà trường xác định làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác kế toán, quản lý tài chính, tài sản. Trên cơ sở đó, đề xuất hình thức xử lý phù hợp, báo cáo kết quả xử lý về UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính (qua Thanh tra Sở) để theo dõi quản lý cán bộ và theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra.

* Đề nghị Nhà trường và Trung tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị xử lý sau thanh tra, công khai kết luận thanh tra theo quy định tại điểm c Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ, báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra gửi về Thanh tra Sở Tài chính theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ Tài chính; (Báo cáo)
- Thanh tra tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Trường CDN, TTSH;
- GD,PGD Ng.Hùng;
- Lưu: VT, QLNS, HSTT.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Hồ Thị Diễm Loan



CHI TIẾT CÁC KHOẢN QUYẾT TOÁN NĂM 2021, 2022
Tại Trung tâm GDNN và đào tạo lái xe sát hạch

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Năm 2021			Năm 2022			Chênh lệch
		Số đơn vị	Số thanh tra	Chênh lệch	Số đơn vị	Số thanh tra	Chênh lệch	
		1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	
I	Năm trước chuyển sang							
II	Thu trong năm	11.824.757.792	11.824.757.792	0	18.599.370.822	18.599.370.822	0	0
	Thu hoạt động	11.784.757.792	11.784.757.792		18.599.370.822	18.599.370.822		
	Thu mua áo đồng phục	40.000.000	40.000.000		0			
III	Tổng chi	11.781.443.014	11.719.686.073	-61.756.941	16.582.749.615	16.553.194.175	-29.555.440	-29.555.440
1	Chi hoạt động	11.748.443.014	11.686.686.073	-61.756.941	16.582.749.615	16.553.194.175	-29.555.440	-29.555.440
	Chi lương, tiền công	3.218.142.429	3.223.147.339	5.004.910	3.096.076.689	3.083.527.689	-12.549.000	-12.549.000
	Các khoản bảo hiểm theo lương	810.679.994	810.679.994		1.036.635.306	1.036.635.306		
	Chi vượt giờ	292.398.000	292.398.000					
	Chi phí khấu hao tài sản	831.599.302	831.599.302	0	1.274.356.966	1.274.356.966		
	Các khoản phí, lệ phí	31.621.765	88.690.384	57.068.619	21.592.000	20.915.160	-676.840	-676.840
	Chi phí thuế TNDN	232.007.700	250.848.230	18.840.530	353.908.303	369.378.703	15.470.400	15.470.400
	Thuế môn bài	1.000.000	1.000.000		1.000.000	1.000.000		
	Chi trả lãi vay ngân hàng	357.794.859	357.794.859	0	607.004.925	607.004.925	0	0
	Chi phí đầu thầu mua xe SH	0	30.145.464	30.145.464				
	Chi hỗ trợ lễ, tết	142.671.000	0	-142.671.000	31.800.000	0	-31.800.000	-31.800.000
	Chi phí xăng xe đào tạo, CP khác	5.830.527.965	5.800.382.501	-30.145.464	10.160.375.426	10.160.375.426	0	0
2	Chi mua áo đồng phục	33.000.000	33.000.000	0				

IV	Số còn lại	43.314.778	105.071.719	61.756.941	2.016.621.207	2.144.248.366	127.627.159
1	Nguồn hoạt động	36.314.778	98.071.719				
	Trích lập quỹ phát triển HDSN	0	105.071.719		1.714.128.026	1.822.611.111	108.483.085
	Trích lập quỹ bổ sung thu nhập				201.662.121	214.424.837	12.762.716
	Trích lập quỹ khen thưởng, PL				100.831.060	107.212.418	6.381.358
2	Tiền áo đồng phục	7.000.000					



QUYẾT TOÁN CÁC NGUỒN CHI HOẠT ĐỘNG TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Năm 2021			Năm 2021			Chênh lệch
		Số đơn vị	Số Thanh tra	Chênh lệch	Số đơn vị	Số Thanh tra	Chênh lệch	
		1	2	3=2-1	4	5	6=5-4	
I	NGUỒN NGÂN SÁCH							
1	Năm trước chuyển sang	3.747.538.384	3.747.538.384		10.185.490.025	10.185.490.025		
2	Số được cấp trong năm	19.727.436.370	19.727.436.370		17.955.750.000	17.955.750.000		
3	Số được sử dụng trong năm	23.474.974.754	23.474.974.754		28.141.240.025	28.141.240.025		
4	Số đã sử dụng trong năm	13.282.150.370	13.258.630.370	-23.520.000	14.907.228.000	14.882.448.000	-24.780.000	
a	Kinh phí tự chủ (13)	10.143.977.394	10.120.457.394	-23.520.000	12.093.270.000	12.068.490.000	-24.780.000	
	Tiền lương, các khoản theo lương	4.803.044.676	4.803.044.676		5.323.088.506	5.323.088.506		
	Chi thêm giờ	502.838.100	502.838.100					
	Chi phụ cấp ưu đãi nghề	1.039.867.365	1.039.867.365		1.201.554.674	1.201.554.674		
	Chi dịch vụ công cộng, VTVP..	942.404.479	942.404.479		548.486.010	548.486.010		
	Chi công tác phí, HN, thuê mướn..	215.622.200	215.622.200		139.440.050	139.440.050		
	Chi vật tư, hàng hóa	1.811.692.475	1.811.692.475		155.390.500	155.390.500		
	Chi trang phục	63.606.000	40.086.000	-23.520.000	62.160.000	37.380.000	-24.780.000	
	Chi khác	414.902.099	414.902.099	0	228.580.260	228.580.260	0	
	Chi trích lập các quỹ	350.000.000	350.000.000					
	Chuyển KP cấp bù HP sang TKTG				4.434.570.000	4.434.570.000		
b	Kinh phí cải cách tiền lương (14)	1.444.735.965	1.444.735.965		0	0		
c	Kinh phí không tự chủ (12)	1.693.437.011	1.693.437.011		1.928.658.000	1.928.658.000		
	Chi hoạt động, chi sửa chữa	782.105.011	782.105.011		951.258.000	951.258.000		



	Học bổng SV (QĐ 53/2015/TTg)	911.332.000	911.332.000		977.400.000	977.400.000	
d	KP Chương trình mục tiêu				885.300.000	885.300.000	
5	Số còn lại	10.192.824.384	10.216.344.384	23.520.000	13.234.012.025	13.258.792.025	24.780.000
II NGUỒN HỌC PHÍ							
1	Thu trong năm tại Nhà trường	3.796.469.000	3.830.219.000	33.750.000	4.881.971.000	4.892.471.000	10.500.000
	Trích 40% CCTL	1.518.587.600	1.532.087.600	13.500.000	1.952.788.400	1.956.988.400	4.200.000
	Số được sử dụng (60%)	2.277.881.400	2.298.131.400	20.250.000	2.929.182.600	2.935.482.600	6.300.000
2	Thu NSNN cấp bù				4.434.570.000	4.434.570.000	
	Trích 40% CCTL				1.773.828.000	1.773.828.000	
	Số được sử dụng (60%)				2.660.742.000	2.660.742.000	
3	Số được chi hoạt động (60%)	2.277.881.400	2.298.131.400	20.250.000	5.589.924.600	5.596.224.600	6.300.000
4	Chi hoạt động	2.277.881.400	2.172.839.783	-105.041.617	6.916.227.772	6.834.003.572	-82.224.200
	Tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản theo lương	679.666.282	684.374.665	4.708.383	3.993.451.631	3.993.451.631	
	Học bổng SV đạt thành tích	457.370.000	457.370.000	0	688.845.000	688.845.000	
	Vật tư văn phòng, công tác phí...	158.453.757	158.453.757	0	627.673.137	627.673.137	
	Chi công tác chuyên môn	440.949.122	392.199.122	-48.750.000	1.181.470.066	1.181.470.066	
	Chi khác	480.292.639	419.292.639	-61.000.000	373.829.938	291.605.738	-82.224.200
	Chi phụ cấp CTD (mục IV)	61.149.600	61.149.600		50.958.000	50.958.000	
4	Số còn lại	0	125.291.617	125.291.617	-1.326.303.172	-1.237.778.972	88.524.200
III NGUỒN DỊCH VỤ							
1	Thu trong năm	792.644.393	802.644.393	10.000.000	1.004.471.196	1.080.421.196	75.950.000
	Thu đào tạo ngắn hạn, KLĐT..	408.278.000	418.278.000	10.000.000	490.745.030	562.995.030	72.250.000
	Thu cho thuê tài sản	64.000.000	64.000.000		57.000.000	60.700.000	3.700.000
	Thu giữ xe	154.666.000	154.666.000		194.233.200	194.233.200	

	Thu khác	165.700.393	165.700.393		262.492.966	262.492.966	
2	Chi hoạt động	792.644.393	797.486.263	4.841.870	856.444.952	802.071.986	-54.372.966
	Tiền lương, tiền công, phụ cấp, các khoản theo lương	577.002.500	581.844.370	4.841.870	375.717.022	371.008.639	-4.708.383
	Vật tư văn phòng, công tác phí...	94.012.814	94.012.814		74.930.200	66.025.200	-8.905.000
	Chi vật tư, CMNV	98.779.000	98.779.000		342.376.583	328.656.583	
	Chi khác	22.850.079	22.850.079		63.421.147	36.381.564	
3	Số còn lại	0	5.158.130	5.158.130	148.026.244	278.349.210	130.322.966



**HỒNNG KẾ CÁC KHOẢN THU TẠM ỨNG TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
NĂM 2021, 2022**



STT	Ký hiệu chứng từ	NỘI DUNG	Số thu hồi tạm ứng	Số đã chi tạm ứng	Ghi chú/ Chứng từ chi tạm ứng
		TỔNG CỘNG	370.802.636	246.552.636	124.250.000
		NĂM 2021	65.000.000	43.000.000	22.000.000
1	PTNH 001	Thu hồi tạm ứng	65.000.000	43.000.000	22.000.000
		Vũ Huy Hùng	12.000.000	0	Không có trong sổ quỹ
		Nguyễn Trương Thu Quỳnh	3.500.000	3.500.000	PC ngày 22/6/2020
		Nguyễn Trung Kiên	15.000.000	15.000.000	PC ngày 18/12/2020:5trđ; PC18/11/2020:10trđ
		Nguyễn Xuân	10.000.000	0	PC ngày 21/01/2020: chi tiền nhân công thi công dẫn lạnh tại Thuận Nam: 12,6trđ
		Phan Văn Tú	10.000.000	10.000.000	PC ngày 04/12/2020
		Nguyễn Bá Đậu	3.000.000	3.000.000	PC ngày 22/12/2020
		Võ Lê Xuân Hương	1.800.000	1.800.000	PC ngày 29/6/2020
		Mai Xuân Việt	3.600.000	3.600.000	PC ngày 05/8/2020
		Trần Thị Bích Lành	2.310.000	2.310.000	PC ngày 18/6/2020
		Phùng Thị Lành	1.090.000	1.090.000	PC ngày 14/02/2020 (1.350.000đ)
		Đoàn Trọng Chinh	2.700.000	2.700.000	PC ngày 11/02/2020
		NĂM 2022	305.802.636	203.552.636	102.250.000
2	PTTH 003	Thu hồi tạm ứng	166.000.000	137.300.000	

			Phạm Vũ Đăng Tùng	25.000.000	18.000.000	Tổng số tiền chi tạm ứng: 19,360,000 đồng, bao gồm: PC ngày 09/9/2020:3trđ;04/12/2020:10trđ;19/11/2020:3trđ; 19/9/2020:2trđ; 11/9/2020:1,36trđ (không vào sổ quỹ TM 1,36trđ)
			Nguyễn Quốc Hoàn	63.600.000	63.600.000	Tổng số tiền chi tạm ứng: 65,680,000 đồng, bao gồm: PC ngày 19/7/2020:10trđ; 20/8/2020:35,68trđ; 12/12/2020:20trđ
			Công ty TNHH TM Diệu Phát	55.700.000	55.700.000	PCHP 059 ngày 25/5/2018: Chi tạm ứng mua vật tư cho Công Ty Diệu Phát tên Phan Thị Hồng Diệu: 55.700.000đ
			Công ty TNHH TM TK Nhật Minh	21.700.000	0	Đã chi lập hồ sơ mời thầu cho Công ty TNHH TM thiết kế Nhật Minh (CKDV03 ngày 26/01/2021), không có phiếu chi tạm ứng
3	PT 005	21/04/2022	Thu hồi tạm ứng theo danh sách	139.802.636	66.252.636	
			Công ty TNHHHTMDV XD Song Hưng Thuận	73.550.000	0	CKDV 338 ngày 29/12/2018: Thanh toán tiền vật tư xây nghề ô tô HD 072 ngày 12/12/2018: 92.533.000đ; không có phiếu chi tạm ứng
			Công ty TNHH Không gian Xanh	46.962.636	46.962.636	PCHP 070 ngày 22/6/2018: Chi tạm ứng làm Pano áplich cho Cty KGX Nguyễn Đức Trung: 46.970.000đ
			Công ty TNHHMTV Bảo hộ Lao động Ninh Thuận	19.290.000	19.290.000	PCHP 098 ngày 16/8/2018: 20.000.000 đồng (Chi tạm ứng Nguyễn Thị Yên Vy nhận)

THANH TRA TÀI CHÍNH

ĐOÀN THANH TRA



Biểu số 04

BẢNG ĐỒNG HỢP NGUỒN CÁI CÁCH TIỀN LƯƠNG TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Năm 2021			Năm 2022		
		Số đơn vị	Số thanh tra	Chênh lệch	Số đơn vị	Số thanh tra	Chênh lệch
1	Năm trước chuyển sang	8.575.059.638	8.575.059.638	0	10.529.897.273	10.529.897.273	0
	Nguồn NSNN	3.738.118.874	3.738.118.874		4.174.368.909	4.174.368.909	
	Nguồn thu học phí (40%)	4.836.940.764	4.836.940.764		6.355.528.364	6.355.528.364	
2	Số trích lập bổ sung trong năm	3.399.573.600	3.399.573.600	0	3.805.076.400	3.822.776.400	-17.700.000
	Nguồn NSNN	1.880.986.000	1.880.986.000		78.460.000	78.460.000	
	Nguồn thu học phí (40%)	1.518.587.600	1.518.587.600		3.726.616.400	3.744.316.400	-17.700.000
3	Số được sử dụng trong năm	11.974.633.238	11.974.633.238	0	14.334.973.673	14.352.673.673	-17.700.000
	Nguồn NSNN	5.619.104.874	5.619.104.874		4.252.828.909	4.252.828.909	
	Nguồn thu học phí (40%)	6.355.528.364	6.355.528.364		10.082.144.764	10.099.844.764	-17.700.000
4	Số đã sử dụng trong năm	1.444.735.965	1.444.735.965	0	1.326.303.172	0	1.326.303.172
	Nguồn NSNN	1.444.735.965	1.444.735.965				
	Nguồn thu học phí (40%)				1.326.303.172	0	1.326.303.172
5	Số còn lại cuối năm	10.529.897.273	10.529.897.273	0	13.008.670.501	14.352.673.673	-1.344.003.172
	Nguồn NSNN	4.174.368.909	4.174.368.909		4.252.828.909	4.252.828.909	0
	Nguồn thu học phí (40%)	6.355.528.364	6.355.528.364		8.755.841.592	10.099.844.764	-1.344.003.172

